

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 3

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỶ KHEO

Đoạn 1: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI (Tiếp Theo)

2. GIỚI: TRỘM CẤP (Phần còn lại)

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Vương-xá, nói rộng như trên, phép trị người có tội trong thời tổ tiên của Vua Bình-sa như sau:

- Nếu có kẻ ăn trộm thì dùng tay tát vào đầu để nghiêm trị, kẻ ấy sẽ thấy xấu hổ chẳng khác gì sắp chết, về sau không dám tái phạm.

Đến đời ông nội của Vua, phép trừng trị kẻ ăn trộm như sau:

- Nếu có kẻ ăn trộm thì bắt đứng một chỗ, dùng tro rắc chung quanh, một lát thì thả đi, kẻ trộm đó sẽ rất xấu hổ chẳng khác gì người chết, về sau không tái phạm.

Đến đời phụ vương của Vua, phép trị tội kẻ ăn trộm như sau:

- Nếu có kẻ ăn trộm thì đuổi ra khỏi thành, kẻ trộm sẽ lấy làm xấu hổ như người chết không khác, về sau không dám tái phạm nữa.

Còn phép trị tội của Vua Bình-sa như sau:

- Nếu có kẻ ăn trộm thì đuổi ra khỏi nước, lấy đó làm điều răn đe.

Bấy giờ, có kẻ trộm đã bị trục xuất bảy lần, nhưng y vẫn trở lại cướp của giết người nơi các thành ấp. Khi ấy, có người bắt được y trở lại, đem đến Vua, tâu với Vua: “Tên trộm này đã bị trục xuất bảy lần, nhưng vẫn trở lại cướp của giết người tại các thành ấp, xin Đại vương hãy nghiêm trị thật nặng”

Vua nói với vị Đại thần ấy: “Đem tên trộm này đi, tùy theo tội mà trừng trị”.

Vị Đại thần bèn tâu: “Thôi đi, thôi đi Đại vương. Đại vương hãy tự trị tội y, chớ giao cho hạ thần. Hạ thần sao dám chuyên quyền qua mặt Đại vương. Mệnh lệnh của Đại vương giờ đây vẫn được tôn trọng, phép

trừng trị phát xuất từ Đại vương, hãy còn lâu dài”.

Vua nói: “Hãy đem hấn ra chặt ngón tay út đi”.

Quan Hữu ty vâng lệnh liền cấp tốc đem tội nhân ra chặt ngón tay út của hấn, vì sợ Vua sẽ sinh hối hận. Khi ấy, Vua liền cắn thử ngón tay mình bèn cảm thấy đau đớn không chịu nổi, liền sai người đến truyền lệnh cho Đại thần: “Chớ chặt ngón tay của hấn”.

Vị Đại thần bèn trả lời với Vua: “Đã chặt ngón tay của hấn rồi”.

Vua rất hối hận, âu sầu, liền tự nghĩ: “Ta nay chính là vị pháp vương cuối cùng, chứ chẳng phải là vị pháp vương đầu tiên. Phàm làm Vua thì phải lo nghĩ đến dân chúng và muôn loài, chứ lẽ nào làm Vua người ta mà lại chặt tay người ta”.

Thế rồi, Vua Bình-sa ra lệnh cấp tốc chuẩn bị xa giá đi đến Thế Tôn. Đến nơi, Vua đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Phép trị những kẻ có tội của tăng tổ trẫm là dùng tay tát vào đầu, lần hồi trải qua các đời Vua cho đến đời của trẫm, thì pháp ác mỗi ngày mỗi gia tăng, chánh lệnh dần dần suy giảm. Trẫm may mắn được làm Vua, lại làm thương tổn đến thân người, tự trách mình vô đạo, thấy hổ thẹn, sợ hãi cực độ”.

Phật hỏi: “Đại vương! Theo phép nước thì kẻ ăn trộm bao nhiêu tiền bị tội tử hình? Ăn trộm bao nhiêu tiền thì bị trục xuất ra khỏi nước? Ăn trộm bao nhiêu tiền thì dùng đến hình phạt roi gậy?”.

Bấy giờ, Vua Bình-sa bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Cứ một Kế-lợi-sa-bàn là mười chín tiền chia làm bốn phần, nếu ăn trộm một phần (4,75 tiền) hay hơn một phần thì đáng tội tử hình”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp giảng dạy cho Vua Bình-sa, khiến Vua được lợi ích, hoan hỷ, những mối hối hận phiền muộn liền trừ diệt, Vua bèn lễ Phật, rồi từ biệt.

Vua đi không lâu sau đó, Thế Tôn liền đi đến chỗ có đông các Tỳ-kheo, trải tòa mà ngồi, rồi nói với các Tỳ-kheo: “Vừa rồi Vua Bình-sa đến chỗ Ta, đánh lễ Ta rồi ngồi sang một bên, bạch với Ta: “Bạch Thế Tôn! Phép trị tội của tăng tổ trẫm là dùng tay tát vào đầu tội nhân, và chánh lệnh giáo hóa được kế thừa cho đến đời của trẫm”. Ta liền hỏi nhà Vua: “Đại vương, ăn trộm bao nhiêu tiền thì đáng tội chết? Cho đến ăn trộm bao nhiêu thì bị hình phạt roi gậy?”. Vua nói: “Cứ một Kế-lợi-sa-bàn là mười chín tiền, trong mười chín tiền chia là bốn phần, nếu ăn trộm một phần (4,75 tiền) hay hơn một phần thì đáng tội tử hình”. Ta vì Vua Bình-sa tùy thuận thuyết pháp, sau khi nghe pháp, nhà Vua đã hoan hỷ, từ giả ra đi. Nay các Tỳ-kheo! Từ nay phải biết: Cứ mười chín

đồng tiền xưa được gọi là một Kế-lợi-sa-bàn, chia một Kế-lợi-sa-bàn ra làm bốn phần, nếu lấy trộm một phần (4,75 tiền) hay hơn một phần thì phạm tội Ba-la-di”.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao Vua Bình-sa sợ tội đến như thế?”.

Phật nói với các Tỳ-kheo: “Vua Bình-sa không những đời này sợ tội như vậy, mà trong đời quá khứ cũng đã từng sợ tội”.

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Đã từng có như vậy sao?”.

Phật dạy: “Đúng như vậy! Trong đời quá khứ có một thành tên Ba-la-nại, nước tên Ca-thi. Khi ấy, có một vị Vua tên là Danh Xưng. Dân chúng trong nước lúc bấy giờ đều dùng những kỹ thuật khéo léo để sinh sống như kỹ nhạc, ca xướng, hoặc dùng các dụng cụ để trang sức như vàng bạc, châu báu vòng hoa anh lạc, hoặc điều khiển voi ngựa và làm các đạo thuật, thứ gì cũng khéo léo, không gì là không tinh xảo, dùng những phương tiện ấy làm kế sinh sống. Nếu kẻ nào không biết những kỹ thuật khéo léo, thì được xem là người ngu. Hoặc có kẻ nào ăn trộm cũng được gọi là người ngu si. Bấy giờ, có một người ăn trộm, dân chúng biết được, trốn y đem lên Vua, thưa: “Tâu Đại vương! Kẻ này làm việc ngu si, xin Đại vương trừng trị hẳn”. Vua nói: “Thôi đi, thôi đi, người đời kẻ thì mất của, kẻ thì ăn trộm, lẽ nào ta lại thêm việc ác nữa”. Thế rồi Vua suy nghĩ: “Ta dùng phương tiện gì đây để chỉnh đốn quốc pháp, khiến cho quần thần không biết (việc này), pháp ác không sinh khởi?”. Vua lại suy nghĩ: “Từ xưa đến nay, giờ đây mới có người ngu. Những người ngu không đến ngàn người. Ta phải sai kẻ hầu cận đem người ngu này giao lại cho một vị Đại thần và bảo khi nào đủ ngàn người ngu, sẽ bảo lại cho ta hay, ta sẽ mở một đại hội”. Viên Đại thần ấy bèn nhận lấy người ngu, rồi giam vào một chỗ. Liền sau đó, Vua suy nghĩ: “Kẻ ngu si kia chưa chết đói chăng?”, liền bảo quan Đại thần dẫn kẻ ngu đến, lại nhắc nhở ông: “Phải khéo trông nom người này chớ để cho y đau ốm, đem y vào sống trong vườn Vô ưu của ta, rồi cung cấp các thứ ngũ dục âm nhạc tiêu khiển”. Viên Đại thần tuân chỉ, đối xử với người ngu ấy như những gì Vua đã căn dặn.

Lúc ấy, lại có một kẻ ngu khác nghe Vua bắt được một người ngu, rồi đưa vào an trí trong vườn Vô ưu, cung cấp các thứ kỹ nhạc, bèn dẫn thân đến chỗ quan viên Đại thần thưa: “Tôi là kẻ ngu si”. Viên Đại thần vì muốn tuân thủ mệnh lệnh của Vua, liền đưa y vào trong vườn Vô ưu. Làm như vậy không bao lâu thì đã đủ số ngàn người. Viên Đại thần liền

tâu lên nhà Vua: “Những kẻ ngu nay đã được ngàn người, bệ hạ muốn làm gì thì hãy làm gấp”. Vua nghe lời tâu ấy rất đỗi ưu sầu, tự nhủ: “Từ xưa lại đây lâu xa lắm mới có một kẻ ngu si, vì sao ngày nay trong thời gian không lâu mà đã có cả ngàn người, hay là đời mạt thế pháp ác tăng trưởng?”. Thế rồi, Vua ra lệnh quần thần quét dọn, đốt hương, treo cờ phướn, lọng báu, sửa soạn các thức ẩm thực ngon lành tại vườn Vô ưu. Các bề tôi bèn tuân lệnh làm đầy đủ các việc mà Vua đã ban truyền. Khi ấy, Vua cùng các quan, mười tám bộ chúng du hành đến vườn Vô ưu. Đến nơi, an tọa xong, Vua hỏi các quan: “Những người ngu nay ở đâu hãy gọi cả đến đây”. Những người ngu đều đến đầy đủ. Vua thấy những người ngu sống lâu trong vườn quần áo dơ bẩn, móng tay dài, tóc rối, liền ra lệnh các quan: “Dẫn những người ngu này đi tắm rửa, thay quần áo mới, hớt tóc, cắt móng tay, rồi mới dẫn đến đây”. Khi họ đã trở lại, Vua liền ban các thức ăn uống, đem cho của cải và các thứ cần thiết, rồi truyền lệnh: “Các người hãy trở về nhà lo cung cấp cho cha mẹ, siêng lo nghiệp nhà, chớ có ăn trộm nữa”. Bấy giờ, những người ngu nghe Vua truyền lệnh, đều hoan hỷ phụng hành. Thế rồi, nhà Vua ấy bèn đem ngôi báu truyền lại cho thái tử, xuất gia, vào núi, học pháp của Tiên nhân. Khi ấy, nhà Vua đọc kệ:

*“Xưa tìm ngàn người ngu,
Mở đại hội khó được.
Vì sao chẳng bao lâu,
Đã đủ số ngàn người?
Pháp ác ngày đem tăng
Đại hội từ nay thôi.
Muốn là xa kẻ ác
Giờ đây nên xuất gia”.*

Phật nói với các Tỳ-kheo: “Quốc vương Danh Xưng thuở ấy đâu phải người nào khác mà chính là Vua Bình-sa ngày nay vậy. Vua Bình-sa từ xưa đến nay thường sợ tội báo, ngày nay làm Vua lại tiếp tục sợ tội”.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao Vua Bình-sa ra lệnh thi hành rồi, phút chốc lại hối hận?”.

Phật bảo với các Tỳ-kheo: “Vua Bình-sa này không những ngày nay ra lệnh thi hành rồi liền hối hận, mà trong đời quá khứ cũng đã từng hối hận”.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Đã từng có như thế sao?”.

Phật dạy: “Đúng như vậy. Trong đời quá khứ, có một người Bà-

la-môn không có tiền của, lấy nghề ăn xin để nuôi sống. Vợ người Bà-la-môn này không sinh con, nhưng trong nhà có con trùng Na-câu-la (?) sinh được một con. Vì không có con nên người Bà-la-môn này xem (243c) con của Na-câu-la như con trai của mình, đồng thời con của Na-câu-la cũng xem ông Bà-la-môn như cha mình.

Bấy giờ, ông Bà-la-môn đến chơi nhà người khác, nếu được sữa, bơ và bánh thịt đều đem về nhà cho Na-câu-la. Sau đó vợ ông bỗng nhiên mang thai, khi đủ mười tháng liền sanh một con trai, bèn suy nghĩ: “Có lẽ nhờ Na-câu-la sinh ra đứa con tốt lành (Cát tướng) nên ta mới có con”. Khi ấy, Bà-la-môn muốn đi khát thực, bèn bảo vợ: “Nếu bà có đi đâu, phải đem con theo, cẩn thận chớ để nó ở nhà”. Người vợ Bà-la-môn cho con ăn xong bèn đến nhà láng giềng mượn cối giã gạo. Lúc ấy, đứa con bà ăn tô lạc có mùi hương thơm, nên một con rắn độc đánh hơi bò đến, há miệng nhả độc, muốn giết đứa bé. Na-câu-la liền suy nghĩ: “Cha ta đã ra đi, mẹ ta cũng không có ở nhà, thế mà con rắn độc này lại muốn giết em ta, bèn đọc kệ:

*“Độc xà, Na-câu-la
Chim bay và chim kêu
Sa-môn, Bà-la-môn
Mẹ kế, con đời trước
Thường mang lòng ganh ghét,
Muốn hãm hại lẫn nhau”.*

Khi ấy, Na-câu-la liền giết rắn độc, chặt làm bảy khúc, rồi suy nghĩ: “Nay ta giết rắn để em được sống, cha mẹ biết được ắt khen thưởng ta, rồi lấy máu bôi lên miệng ra đứng chờ ngoài cửa, mong rằng cha mẹ thấy thì sẽ rất vui mừng”.

Lúc này, ông Bà-la-môn đang trên đường trở về, từ xa trông thấy bà vợ ở nhà hàng xóm, bèn nổi giận mắng: “Ta đã bảo bà có đi đâu thì đem con theo, vì sao lại đi một mình?”.

Rồi ông định vào nhà, thì thấy trong miệng Na-câu-la có máu, liền tự nghĩ: “Vợ chồng ta đi vắng, Na-câu-la ở nhà đã bắt giết con ta ăn thịt rồi chăng?”, bèn nổi giận nói: “Uổng công ta nuôi đồ súc vật này, đến nỗi bị nó làm hại”, liền sấn đến dùng gậy đập chết Na-câu-la. Đoạn bước vào trong nhà, thì thấy đứa con trai đang mút tay vui đùa, lại thấy bên cạnh nó bảy khúc thân con rắn độc. Thấy sự việc như thế, ông rất ưu sầu, hối hận, bèn tự thống trách mình: “Na-câu-la này rất có nhân tình, đã cứu mạng con ta, mà ta không xem xét cẩn thận, lại đập chết nó, thật đáng xót thương. Thế rồi, ông nằm lăn quay trên đất bất

tỉnh. Lúc ấy có vị thiên nhân đang ở trên không trung đọc kệ:

*“Nên quan sát cẩn thận,
Chớ nổi giận bốc đồng
Lìa bạn tốt đáng yêu,
Hại oan người lương thiện
Ví như Bà-la-môn
Giết Na-câu-la nọ”.*

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Người Bà-la-môn thuở ấy đâu phải ai khác mà chính là Vua Bình-sa. Ngày xưa ông đã từng làm việc khinh suất rồi sau lại hối hận, ngày nay cũng lại như vậy”. Thế rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo đang sống xung quanh thành Vương-xá phải tập hợp lại tất cả, dù cho ai nghe rồi, cũng phải nghe lại, bèn chế giới như sau:

“Nếu Tỳ-kheo ở trong xóm làng hoặc nơi vắng vẻ mà lấy vật người ta không cho, bị Vua bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc tẩn xuất, nói: “Ôi nam tử! Người là kẻ trộm chăng? Là kẻ ngu si chăng?”. Tỳ-kheo ăn trộm như vậy thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với Tăng chúng).

(Giới thứ hai (trộm cắp) đến đây là hết)

GIẢI THÍCH:

Tỳ-kheo: Là người đã thọ giới Cụ túc, đã khéo thọ giới Cụ túc, tuổi đủ hai mươi, không bị các già nạn, thọ giới trước mười vị thầy (thập sư) hay hơn mười vị, trải qua một lần tác bạch và Ba lần yết-ma. Đó gọi là Tỳ-kheo.

Xóm làng: (Tụ-lạc) là nơi có những bờ tường vây quanh hoặc có những hàng rào, bờ sông, kinh đào vây quanh.

Xóm làng còn có nghĩa: Vùng đất thả bò, khu đất trẻ em vui chơi, bãi đậu xe, chỗ bò nằm nghỉ, nơi có từ bốn căn hộ và một chỗ chất củi cũng gọi là xóm làng.

Chỗ đất trống: (không địa): Chỗ đất trống là nơi ở ngoài bờ tường, ngoài thiên viện, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Ranh giới của xóm làng: Không xa chỗ ở, nơi đường cái người ta đi lại, gọi là ranh giới của xóm làng, như ở bên ngoài bờ đê, hào mương, hàng rào, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Vùng đất thả bò: Ở ngoài xa ranh giới của nhà cửa xóm làng, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Những công viên trẻ em vui chơi: Là chỗ ở rất xa bãi xe, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là vùng đất trống.

Bãi đậu xe (doanh xa Tụ-lạc): Những bãi đậu xe cách xa xóm làng, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Chỗ bò nằm nghỉ (ngưu miên Tụ-lạc): Ở bên ngoài rất xa nhà cửa, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Xóm làng có từ bốn ngôi nhà và một chỗ để củi: Chỗ cách nhà cửa rất xa, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Không cho: Hoặc là nam, hoặc là nữ, hoặc là kẻ hoàng môn phi nam phi nữ, hoặc là cư sĩ, hoặc người xuất gia, dùng tâm trộm cắp để lấy vật mà người ta không cho, thì tùy theo vật lấy trộm... Các vật ấy có tám loại:

1. Thời dượng (thuốc dùng đúng thời).
2. Dạ phần dượng (thuốc dùng ban đêm).
3. Thất nhật dượng (thuốc dùng trong vòng bảy ngày).
4. Tận hình dượng (thuốc dùng suốt đời).
5. Tùy vật (vật tùy thân).
6. Trọng vật (vật quan trọng).
7. Bất tịnh vật (vật không thanh tịnh).
8. Tịnh bất tịnh vật (vật vừa thanh tịnh vừa không thanh tịnh). Đó

gọi là tám vật.

Lấy: Nghĩa là cầm vật dời khỏi chỗ cũ, đó gọi là lấy.

Tùy theo ăn trộm: Không giống như mười sáu trường hợp giám hộ, chẳng hạn lấy trộm của nhà Vua một món tiền nhỏ để mua dưa ăn mà bị Vua bắt giết. Vì Vua không có phép nhất định mà tùy theo ý mình, hoặc ăn trộm chút ít mà bị giết, hoặc ăn trộm nhiều mà không bị giết. Như trường hợp Đức Thế Tôn hỏi về pháp của Vua Bình-sa sau đây: “Đại vương trị nước, ăn trộm chừng bao nhiêu tiền thì bị tử hình? Bao nhiêu tiền thì bị trục xuất? Bao nhiêu tiền thì bị đánh khảo?”.

Vua Bình-sa trả lời Phật: “Cứ mười chín tiền là một kế-lợi-sa-bàn, một kế-lợi-sa-bàn chia làm bốn phần, nếu lấy một phần, hay hơn một phần, thì đáng tội chết. Nay tùy theo mức độ ăn trộm mà lấy đó làm chuẩn”.

Vua: Nghĩa là Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ nhận chức làm Vua.

Vua bắt: Vua sai người bắt, hoặc họ nắm tay, hoặc nắm các chỗ khác, thì gọi là bắt.

Giết: Kết liễu mạng sống thì gọi là giết.

Hoặc giam: Hoặc giam trong nhà, hoặc giam trong thành, hoặc giam trong thôn, hoặc gông cùm, hoặc xiềng xích, thì gọi là giam.

Tần xuất: Trục xuất ra khỏi xóm làng, trục xuất ra khỏi thành thị, trục xuất ra khỏi nước, thì gọi là tần xuất.

Than ôi, kẻ nam tử: Nếu Tỳ-kheo bị những lời khiển trách như: Người là kẻ trộm, người là kẻ si mê, người là kẻ ngu muội, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với Tăng chúng).

Ba-la-di: Nghĩa là đối với giáo pháp, tâm trí bị lui sụt, đọa lạc, không được đạo quả. Đó gọi là Ba-la-di. Như vậy cho đến tận trí, vô sinh trí, đối với các trí ấy bị lui sụt, đọa lạc, không được đạo quả, thì gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với đạo quả Niết-bàn bị lui sụt, đọa lạc, không chứng đắc, thì gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Vi phạm giới không lấy trộm, lui sụt, đọa lạc, thì gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di lại còn có nghĩa là: Những tội vi phạm không thể phát lồ sám hối, nên gọi là Ba-la-di.

Thời dục: Tất cả các rễ cây, tất cả các thứ ngũ cốc, tất cả các thứ thịt.

Rễ cây: Thuốc trị bệnh, rễ cỏ, rễ sen, rễ tre, rễ khoai nước, rễ nho, rễ hành, thì gọi là rễ.

Ngũ cốc: Gồm mười bảy loại. Đó là:

1. Lúa.
2. Lúa đỏ.
3. Tiểu mạch.
4. Đại mạch.
5. Đậu nhỏ.
6. Đậu hồ.
7. Đậu lớn.
8. Đậu đặng.
9. Lúa tẻ.
10. Lúa mạ.
11. Mè.
12. Gừng.
13. Xà trí.
14. Ba tát đà.
15. Hạt cỏ lát.
16. Chỉ na câu.
17. Câu Đà-bà.

Đó gọi là mười bảy loại mẽ cốc.

Thịt: Thịt của các loài trên đất và dưới nước. Thế nào là loài vật ở dưới nước? Loài vật ở dưới nước là: Cá, rùa, đê-di, chi-la, tu-la, tu-tu-la, tu-tu-ma-la. Những loài ở trong nước có thể ăn thịt được như vậy gọi là các loài ở trong nước.

Thế nào là loài vật ở trên đất? Loài vật ở trên đất là: Loài hai chân, bốn chân, không chân, nhiều chân, như vậy đều gọi là loài vật ở trên đất.

Các thức ăn bằng rễ, bằng hạt, bằng thịt như vậy đều thuộc về thời thực (thức ăn đúng lúc). Vì sao vậy? Vì đúng giờ mới được ăn, không đúng giờ thì không được ăn, nên gọi là thời thực. Nếu Tỳ-kheo với tâm trộm cắp, xúc chạm các thứ thuộc đúng thời (thời được) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu lay động vật ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ (năm tiền) thì phạm tội Ba-la-di.

Loại thuốc dùng ban đêm (dạ phần được): Gồm mười bốn loại nước trái cây (tương) như sau:

1. Nước trái Am la.
2. Nước trái lê.
3. Nước trái lựu.
4. Nước điện đa lê (?).
5. Nước nho.
6. Nước Ba-lâu sa.
7. Nước kiền kiền.
8. Nước chuối.
9. Nước Kế già đề.
10. Nước kiết phả la.
11. Nước bù lung cừ.
12. Nước mía.
13. Nước Kha lê đà.
14. Nước Khư ba lê.

Các loại nước này, nếu nhận được vào lúc tối thì uống vào lúc tối, nếu nửa đêm nhận được thì uống vào lúc nửa đêm, nếu cuối đêm nhận được thì uống vào lúc cuối đêm, hoặc trước bữa ăn nhận được để đến chiều tối uống, thì gọi là thuốc dùng ban đêm (dạ phần được). Nếu Tỳ-kheo có tâm lấy trộm xúc chạm vào loại thuốc dùng ban đêm này thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu di chuyển khỏi chỗ cũ đủ số (quy định) thì phạm tội Ba-la-di.

- Thuốc dùng trong bảy ngày: Sữa, dầu, mật, đường phèn, mỡ, sữa

tươi.

- Sữa: Các loại sữa như sữa bò, sữa trâu, sữa dê, sữa linh dương, sữa lạc đà v.v...

- Dầu: dầu mè, dầu xà lách, dầu hoàng-lam, dầu a-đà-tư, dầu tỳ-ma, dầu tỳ-lâu, dầu tỳ-châu-mạn-đà, dầu ca-lan-giá, dầu sa-la, dầu a-đề mục-đa, dầu mạn-đầu, dầu đại-ma, và các loại dầu khác thì gọi là dầu.

- Mật: Các thứ mật quân trà, mật bố-đề, mật ong ruồi, mật ong đất, đều gọi là mật.

- Đường khối: Như đường bàn-đà, đường Na-la, đường mạn-xà, đường ma-ha-tỳ-lê v.v... thì gọi là đường khối.

- Mỡ: Như mỡ cá, mỡ gấu, mỡ bi, mỡ tu-tu-la, mỡ heo. Những thứ mỡ này không có xương, không có thịt, không có máu, không có mùi hôi, không phải thức ăn chính, nếu Tỳ-kheo bệnh nhận được thì cho phép dùng trong bảy ngày. Đó gọi là mỡ.

- Sữa tươi: Như các thứ sữa tươi của bò, dê v.v... được lọc sạch, không phải thức ăn chính, nếu bỗng nhiên nhận được thì được phép uống trong bảy ngày. Đó gọi là thuốc dùng trong bảy ngày.

Nếu Tỳ-kheo với tâm trộm cắp, xúc chạm loại thuốc dùng trong bảy ngày, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động vật đó, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

- Thuốc dùng suốt đời: Ha-le-lặc, Tỳ-lê-lặc, A-ma-lặc, cây lá lốt, tiêu, gừng, quả sống đời (Trường-thọ), quả đào tiên, quả vú sữa, quả đậu đỏ, quả Ba-la-tát-đa, quả chuối, (bàn na); loại có năm rễ nhỏ, loại năm rễ lớn, tất cả các thứ muối, tất cả các loại tro trừ tám loại tro, tất cả các thứ đất, trừ đường khối, đất sỏi; những loại thuốc này không phải là thức ăn.

Nếu vừa mới nhận thì Tỳ-kheo bệnh có thể để uống suốt đời. Đó gọi là loại thuốc uống suốt đời.

Nếu Tỳ-kheo với tâm trộm cắp xúc chạm loại thuốc dùng suốt đời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu di chuyển khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

- Vật tùy thân: Ba y, tọa cụ, y che ghế, áo mưa, bát, đại kiên tư, tiểu kiên tư, đũa đựng bát, túi đựng đồ tắm, đũa lọc nước, hai loại đai thắt lưng, dao cạo, muống bằng đồng, bát nhỏ, ống đựng kim, bình nước,

cái gáo để tắm, bình đựng dầu, bình con, tích trượng, giày da, dù, quạt và các vật dụng cần thiết khác. Đó gọi là vật tùy thân. Lại có những vật tùy thân của người thế tục như khí giới, dao, gậy, quần áo và các vật dụng cần thiết khác của người bạch y cũng gọi là vật tùy thân.

Nếu Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp xúc chạm vào các vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động vật đó thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

- Vật nặng (trọng vật): Như giường, vật dùng để nằm và các vật nặng khác.

- Giường, vật dùng để nằm: Giường nằm, giường để ngồi, mền nhỏ, mền lớn, khúc gỗ, tấm ra, cái gối, và các vật nặng khác như các vật bằng đồng, bằng gỗ, bằng tre, bằng gạch v.v...

- Các vật bằng đồng: Bình đồng, nồi đồng, chảo đồng, muống đồng và các dụng cụ bằng đồng khác, gọi là dụng cụ bằng đồng.

- Các vật bằng gỗ và tre: Hộp bằng gỗ, bình gỗ, chậu bằng gỗ, chén gỗ, thìa bằng gỗ, cái giỏ tre, chiếu tre, cái sọt bằng tre, và tất cả các vật bằng gỗ, bằng tre khác, gọi là các vật bằng gỗ và bằng tre.

- Vật bằng đất: Từ cái vò lớn cho đến cái chén dùng làm đèn đều gọi là vật bằng đất, gạch.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp rờ vào các vật nặng ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

- Vật bất tịnh là: Tiền, vàng, bạc; vì Tỳ-kheo không được chạm đến nên gọi là vật bất tịnh (vật không tinh khiết).

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào các vật bất tịnh thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

- Vật thanh tịnh và không thanh tịnh: Chân châu, lưu ly, ngọc trai, san hô, pha lê, xà cừ, mã não, ngọc bích. Vì các bảo vật ấy có thể rờ đụng mà không thể mang vào mình, nên gọi là vật thanh tịnh và không thanh tịnh.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào vật thanh tịnh và không thanh tịnh thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

- Lại có mười sáu loại vật khác: Đất, vật trong đất, nước, vật trong nước, thuyền, vật trong thuyền, xe, vật trên xe, loài bốn chân, vật ở trên loài bốn chân, loài hai chân, vật ở trên loài hai chân, loài không chân, vật ở trên loài không chân, hư không, vật ở trên hư không.

1. Thế nào là đất?

- Mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ đồng, mỏ thiếc, mỏ bạch lạp, không thanh thứ (?), đá vàng, đá diêm sinh, bụi, đất đỏ, đất trắng dẻo và các thứ đất thợ gốm dùng đều gọi là đất.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào các loại đất ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

2. Vật ở trong đất: Nếu người ta chôn dấu các thứ vào trong đất như: Tiền, vàng, bạc, pha lê, ngọc trai, chân châu, xa cừ, mã não, bình sữa, bình dầu, bình đường khối và các loại cây, rễ, cành, lá, quả dùng làm thuốc v.v... cho đến tám vật cất giấu vào trong đất thì gọi là vật trong đất.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào các vật trong đất ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

3. Nước: Nước gồm có mười loại: Nước sông, nước ao, nước giếng, nước đầm sâu có rồng ở, nước trong, nước suối nóng, nước không nhiễm bệnh, nước mưa đã lọc, nước trên không trung, nước đang chảy; có nơi thì nước rất quý, có nơi thì nước không quý, hoặc một đồng được bốn năm bình, hoặc đổi tất cả vật sở hữu mới được một bình, như ở gần thôn ấp thành thị mà có nước tốt, thì một đồng được năm sáu bình.

Như có người khách buôn phải đi qua những con đường xa xôi hoang vắng, hoặc năm do-tuần, hoặc mười do-tuần, cho đến năm trăm do-tuần, trên đường đi không có nước, các vị khách buôn ấy đều phải đem nước theo, hoặc tự tìm lấy, hoặc phải mua lấy. Khi ấy, có một khách buôn còn một ít nước, không đủ dùng, vì khát bức bách, suy nghĩ: “Nếu ta còn sống, sẽ kiếm ra tiền, còn nếu ta khát nước mà chết thì tiền dùng để làm gì?”, bèn đem tất cả tài vật đổi lấy một bình nước. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi theo người khách buôn, người này thường cung cấp nước cho Tỳ-kheo; nhưng khi chưa đến nơi thì nước sắp hết, lúc ấy người khách buôn nói với Tỳ-kheo: “Đường đi còn xa mà nước lại sắp hết, vậy xin hiến số nước này cho Tôn giả, và số nước này để tôi uống”.

Tỳ-kheo phải lượng số nước mà khách buôn đã cho để dùng, nếu dấy tâm ăn trộm uống nhiều nước, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số quy định thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu khách buôn nói: “Nước tôi cung cấp cho Tôn giả, xin chớ cho người khác”, nhưng nếu lúc ấy có người già cả bệnh hoạn bị khát bức bách, đến Tỳ-kheo xin nước uống, vì lòng từ bi, Tỳ-kheo muốn cung cấp nước cho người bệnh ấy, bèn suy nghĩ: “Chủ nhân tuy đã nói như thế, nhưng người bệnh này đáng thương, nay ta nên đem nước cho ông”. Nếu chủ nhân cũng có lòng chiếu cố, đồng ý, không khiển trách thì không phạm.

Có người dùng thuyền chở nước, Tỳ-kheo vì khát nước bức bách, dấy tâm trộm cắp chạm vào nước trên thuyền của ông ta thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu dùng bát hoặc gáo múc nước ấy mà chưa rời khỏi thuyền thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu đã mang nước đi mà thân thể và y phục đều rời khỏi thuyền, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo khoét bình chứa nước của người ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu dùng ống đút qua lỗ trống uống nước, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu thoát ống thoát nghỉ, thì mỗi hớp phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu đồ đựng nước trước đó được đậy nắp mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp mở nắp ra thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi đang rót nước thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Rót xong mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu lúc đang rót nước, liền sanh tâm hối hận, sợ phạm tội nặng, bèn đổ nước vào lại trong bình, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu muốn kéo thuyền đi để lấy trộm nước, khi kéo thuyền tới, đuôi thuyền quá chỗ đầu thuyền thì phạm tội Ba-la-di. Hoặc kéo ngược thuyền về phía sau, khi đầu thuyền qua khỏi chỗ đuôi thuyền, hoặc kéo qua bên phải, khi bên trái thuyền qua khỏi chỗ bên phải, hay ngược lại, liền phạm tội Ba-la-di.

Nếu thuyền nhỏ dễ lay động mà Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp đụng vào thuyền thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đi động nó thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu có người đắp bờ ngăn nước (chảy vào ruộng) mỗi đêm đáng giá một tiền cho đến hai, ba, bốn, năm tiền mà Tỳ-kheo vì pháp Phật Tăng khởi tâm trộm cắp phá hoại bờ của họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nước chảy vào ruộng mình thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo không muốn trực tiếp phá hoại mà dùng phương tiện kéo gạch, cây đi qua khiến cho bờ vỡ, nước chảy thì lúc kéo qua phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu chảy vào ruộng thì phạm tội Thâu-lan-giá

Đủ số quy định, phạm tội Ba-la-di.

Nếu dùng phương tiện lừa bò, dê, lạc đà đi qua làm hư bờ cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo có tâm ganh tỵ, phá bờ cho nước chảy thoát thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo cùng với khách buôn đi qua vùng hoang dã, có người nói: “Ngày mai sẽ tới chỗ có nước”. Lúc ấy có người khách buôn đang gánh nước đi, Tỳ-kheo vì khát nước, đến xin Y mà không được, liền nổi giận mắng: “Kẻ tẻ ác kia! Vì sao người keo kiệt quá thế? Mang nước đi nhiều mà không dám uống, cũng không cho loài súc vật, cũng không cho Sa-môn, Bà-la-môn, chẳng bao lâu cũng phải bỏ, chớ dùng nó làm gì nữa?”. Tỳ-kheo liền phá thùng nước của y, vì tâm ác nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có người dùng bồn chứa nước để tại nhà, rồi những bà con, bạn bè của Tỳ-kheo bị cháy nhà, Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm nước để chữa lửa, nếu đựng vào nước thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động bồn nước của họ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dùng nước tưới lên lửa đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu tự suy nghĩ: “Ta sẽ trả lại đủ số nước đã lấy dùng”, thì không phạm.

Nếu nhà của người ấy bị cháy dùng nước của Y để tưới lửa tắt thì không phạm. Nếu gặp lúc hạn hán mười năm, hai mươi năm, nước ao hoặc nước giếng có người giữ gìn mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp mang thùng đến lấy nước, chạm vào nước ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu múc nước thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu gánh nước rời khỏi ao, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu hồ nằm ở trong vườn, họ đóng cổng lại, mà Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, dùng ống từ xa hút nước uống, khi nước đang chảy liên tục không ngừng mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu uống từng hớp từng hớp rồi dừng lại, thì mỗi hớp phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu nước ở dưới giếng, Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm, thì khi múc nước, phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi đã múc nước đổ vào thùng thì phạm tội Thâu-lan-giá. Và khi mang nước rời khỏi giếng, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Có những nhà ngoại đạo dùng bình chứa nước, khi nhà bị cháy, họ hoảng sợ mà khi ấy Tỳ-kheo suy nghĩ: “Kẻ ngoại đạo tà ác như thế, như thế thường đố kỵ pháp Phật, hủy báng Sa-môn Thích tử, nay người đang bị họa”. Liền đi tới dùng gậy đập vỡ bình nước, vì tâm ác phá hoại đồ của người ta nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Có các loại nước danh tiếng như nước Chiêm-ba có nước của sông Hằng, tại thành Vương-xá có nước suối nóng, tại ấp Ba-liên-phất có sông Thứ-nô, tại nước Ba-la-nại có nước ao Phật-du-hành, tại nước Sa-kỳ có nước Huyền-chú, tại thành Xá-vệ có nước Bồ-đa-lê, tại nước Ma-thâu-la có loại nước Diêu-bồ-na, tại nước Tăng-già-xá có nước Thạch-mật. Có những nhà quyền quý sai người đi lấy các thứ nước ấy, trên đường về nhà, nghỉ ở dọc đường, nếu Tỳ-kheo vì khát nước bức bách, dấy tâm trộm cắp rờ vào nước ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu rót nước ấy vào bình của mình thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu rót vừa dứt mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu lúc đang rót mà sanh tâm hối hận, sợ phạm tội nặng, bèn đổ nước vào bình trở lại thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Có những hàng quý tộc đi chơi ở hoa viên, bèn xây cái hồ, pha dầu thơm vào nước, rồi có Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm, lấy nước ấy, nhưng nước không đáng giá tiền, thì tính theo thời giá dầu thơm (pha vào nước) mà quy định mức phạm tội.

Đó gọi là các thứ nước.

4. *Vật ở trong nước*: Đó là các thứ sinh trong nước như: Ưu-bát-la, Bát-đàm-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi, Tu-kiền-đề, rễ sen v.v... và các vật sinh ra trong nước khác, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, đụng chạm vào các vật sinh trong nước này thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Nếu chỉ lấy một hoa mà trị giá đủ số quy định, cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số quy định thì mỗi hoa phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nhưng hái hoa để trên đất thì chưa phạm tội Ba-la-di. Hoặc vì bó hoa lớn nặng không đỡ lên nổi, dù kéo đi hơi xa cũng không phạm Ba-

la-di. Nhưng nếu đã dỡ lên khỏi đất, thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả các vật sinh trong nước cũng như thế.

Nếu các nhà quyền quý làm các loại hoa bằng vàng bạc và các loại thuyền có hình các giống chim như le le, nhạn, uyên ương, để ở hồ tắm, khu giải trí, mà Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm, đụng vào các vật đó, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc có người đem các vật như vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc trai, xích châu và tám loại khác cất giấu dưới nước mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, chạm vào các vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là những vật ở trong nước.

5. *Thuyền*: Thuyền có các loại như: Thuyền Tỳ-câu-la, thuyền Câu-ha-tra, thuyền Bạt-cù-lê, thuyền Tỳ-thi-già, thuyền mặt ngựa, thuyền mặt voi, thuyền mặt dê, thuyền mặt cá, hoặc một tầng cho đến bảy tầng, hoặc có vách ngăn, hoặc không có vách ngăn, hoặc dùng chõ voi, hoặc dùng chõ ngựa, hoặc dùng chõ của cải, hoặc chõ gạch ngói, hoặc chõ da, hoặc chõ kim loại, cho đến những cái bè chõ liếp. Nếu những thuyền bè ấy buộc tại một chỗ mà Tỳ-kheo sinh tâm trộm cắp chạm vào chúng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu cắt dây buộc thuyền mà chưa dời khỏi chỗ cũ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc đã dời khỏi chỗ cũ mà chưa cắt dây buộc, cũng phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu đã cắt dây buộc và rời khỏi chỗ cũ thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu ý muốn trộm thuyền, không định trộm vật, nhưng sợ người ta biết, bèn lấy cả vật mang đi, thì dù rời khỏi chỗ cũ cũng chưa phạm Ba-la-di.

Nhưng nếu bỏ vật lại, chỉ lấy thuyền, thì rời khỏi chỗ cũ, liền phạm tội Ba-la-di.

Nếu có ý định trộm vật, không trộm thuyền, mà sợ người ta phát giác, nên mang cả thuyền đi thì chưa phạm Ba-la-di.

Nhưng bỏ thuyền lại lấy vật mang đi, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu muốn lấy trộm cả thuyền và vật, thì khi thuyền rời khỏi chỗ

cũ liền phạm Ba-la-di.

Nếu muốn bỏ vật xuống đáy sông để lấy trộm thì lúc vật chìm khuất, phạm Ba-la-di.

Nếu có người buộc thuyền bên bờ sông, lên ngồi nghỉ một chỗ khuất, có Tỳ-kheo định lấy trộm thuyền, bấy giờ có người khác nói với chủ thuyền: “Có người xuất gia muốn lấy trộm thuyền của ông đấy”. Khi ấy, chủ thuyền hỏi: “Người xuất gia ấy theo đạo nào?”.

Đáp: “Sa-môn Thích tử”.

Chủ thuyền nói: “Khỏi lo, Sa-môn Thích tử không lấy của không cho”.

Nhưng lúc ấy thân Tỳ-kheo đã chạm đến thuyền, người kia lại nói với chủ thuyền: “Thầy Tỳ-kheo kia đã lấy thuyền của ông rồi”. Chủ thuyền liền sanh nghi: Lẽ nào vị Tỳ-kheo kia lại muốn lấy trộm thuyền của ta sao? Bèn hỏi: “Tôn giả định làm gì đấy?”. Lúc ấy Tỳ-kheo im lặng, không đáp liền dùng sào chèo thuyền đi. Chủ thuyền liền đuổi theo gọi: “Tôn giả! Thuyền ấy là thuyền của Vua, của Đại thần, của Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, là thuyền để làm phước, thuyền để chở người”. Lại hăm dọa Tỳ-kheo, nói: “Quân tặc ác, nếu người lấy thuyền ta đi, thì ta sẽ trừng trị người thích đáng”. Thầy Tỳ-kheo ấy tuy chèo thuyền đi xa, nhưng nếu chủ thuyền không nghĩ là thuyền đã mất, và Tỳ-kheo cũng không nghĩ là đã được, thì chưa phạm tội Ba-la-di. Trái lại nếu chủ thuyền nghĩ là thuyền đã mất và Tỳ-kheo nghĩ là đã được, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chủ thuyền buộc thuyền bên bờ sông, rồi có khách Tỳ-kheo đến nói với chủ thuyền: “Lão trượng (Trưởng-thọ) chở giúp tôi đi”. Chủ thuyền đáp: “Chỉ có một người mà tôi chở thế nào được”. Tỳ-kheo lại nói: “Lão trượng, giờ ăn của tôi đã đến, chở làm cho tôi mất bữa ăn. Nay ông chở tôi tức là cho tôi ăn, là bố thí niềm vui cho tôi. Nay tôi với ông nguyện đời này đời sau giúp đỡ lẫn nhau”. Chủ thuyền lại nói: “Ông không có đồng xu nào, thì làm sao muốn giúp đỡ người ta? Chân ông như con quạ đói, không đậu nhất định chỗ nào, thì ai sẽ giúp ông?”. Tỳ-kheo bèn hạ giọng khẩn cầu. Chủ thuyền lại hỏi: “Tôi tự độ (giúp mình) được. Tôn giả giờ đây chỉ có một mình, thì bảo chở làm sao?”. Tỳ-kheo đáp: “Lão trượng! Ông chỉ cần cầm lái, để tôi chèo cho”. Chủ thuyền bèn đồng ý, liền bảo Tỳ-kheo lên thuyền. Khi đến giữa sông, thầy Tỳ-kheo bèn cầm mái chèo đánh chủ thuyền, mắng: “Quân tặc ác, dám hủy nhục Sa-môn Thích tử!”. Mắng rồi lại đánh chủ thuyền, làm cho tay chân bị thương tích trầm trọng, đoạn đem vứt xuống nước, thì

phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu chủ thuyền chết, mà trước đó Tỳ-kheo có tâm giết hại, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu trước không có tâm sát hại, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Lúc ấy, nếu Tỳ-kheo lấy trộm thuyền của Y, hoặc lấy trộm hành lý, mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tâm ác nhận chìm thuyền của y, hoặc phá hủy, hoặc thả trôi đi, vì làm hư hỏng, mất mát vật của người khác nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Có người muốn tạo phước nên dùng thuyền chở người, nếu Tỳ-kheo tự chèo thuyền ấy qua sông, thì phải buộc thuyền vào bờ để người sau còn đi nữa; nếu Tỳ-kheo lấy trộm thuyền hoặc hành trang của họ mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nhận chìm trong nước, hoặc phá hỏng, hoặc thả cho trôi đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Tỳ-kheo nếu chèo thuyền đến bờ bên kia, thì phải buộc thuyền vào bờ ở chỗ trống trải để người sau còn sử dụng, không được buộc thuyền ở chỗ khuất.

Đó gọi là Thuyền.

6. *Vật ở trên thuyền*: Các vật ở trên thuyền như vàng, bạc, chân châu, tiền của, hổ phách, lưu ly, ngọc trai, san hô, xa cừ, xích châu, kiếp bối, cho đến tất cả y phục, ngũ cốc và tám thứ vật, hoặc được che phủ, hoặc không che phủ mà Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm rơi vào các vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động các vật ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

7. *Xe*: Hoặc xe hành khách, hoặc xe chở hàng, hoặc xe ba gác, hoặc xe xích lô, cho đến các loại xe trẻ con chơi, đó gọi là xe.

Nếu Tỳ-kheo lấy trộm xe hai bánh, đẩy tới trước mà đuôi xe qua khỏi đầu xe, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Hoặc đẩy lui mà đầu xe qua khỏi đuôi xe, thì phạm tội Ba-la-di. Hoặc đẩy sang hai bên mà bánh trái qua khỏi bánh phải hay bánh phải qua khỏi bánh trái, cũng phạm tội Ba-la-di. Hoặc Tỳ-kheo đập phá xe ấy, rồi lấy trộm từng khúc gỗ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Chưa đủ số quy định thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc xe nhỏ có thể mang đi, nếu chạm đến thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu di động nó thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là các loại xe.

8. *Vật ở trên xe*: Hoặc da sư tử dùng để che, hoặc da cạp, hoặc hoàng khâm bà la (?) và các vật dùng để che khác, tất cả các vật dùng để lót và tất cả các vật dùng để trang trí xe. Đó gọi là các vật ở trên xe.

- Tất cả những vật để trong xe: Đó là: vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, chân châu, ngọc trai, san hô, hổ phách, xích bảo v.v... y phục, ẩm thực và tám thứ vật, hoặc được che kín, hoặc không được che kín, nếu Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp sờ vào những vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là những vật để trong xe.

9. *Loài vật bốn chân*: Đó là voi, ngựa, lạc đà, bò, lừa, la, dê, cả đến chuột, chó sói v.v... Nếu Tỳ-kheo muốn ăn trộm voi, dắt nó đi, khi nó đã đỡ lên từ một chân cho đến ba chân, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi nó đã đỡ lên cả bốn chân, rời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả ngựa, lạc đà cho đến dê cũng như vậy. Nếu con vật ấy nhỏ có thể vác đi được thì khi chạm vào nó phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu di động nó phạm tội Thâu-lan-giá, nếu rời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là các con vật bốn chân.

10. *Những vật dụng ở trên loài bốn chân*: Đó là các dụng cụ dùng để trang bị cho voi, kể cả các dụng cụ trang bị cho chuột, chó sói và tám loài vật khác, hoặc được che kín, hoặc không che kín; nếu Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp sờ vào các vật đó, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá; nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là những vật dụng ở trên loài bốn chân.

11. *Loài vật hai chân*: Đó là người và chim v.v... Nếu Tỳ-kheo trộm người (thuộc quyền quản lý) của người khác, hoặc quyến rũ đi theo, hoặc dùng dao gây bức hiếp, khi người ấy đỡ lên một chân thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu đỡ cả hai chân thì phạm tội Ba-la-di. Nếu người ấy nhỏ có thể công, vác đi, mà chạm đến họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu di động họ thì phạm tội Thâu-lan-giá; nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả các loài chim cũng như thế.

Đó gọi là loài vật hai chân.

12. *Những vật dụng ở trên loài hai chân*: Đó là những vật trang điểm của phụ nữ, những vật trang điểm của nam giới, cho đến những thứ trang điểm trên mình chim oanh vũ.

- Những vật trang điểm của phụ nữ: Đó là xoa, xuyên, y phục v.v...

- Những vật trang điểm của nam giới: Như áo, mào ngọc, anh lạc v.v...

Cho đến những thứ trang điểm trên chim oanh vũ như vàng, ngọc, lục lạc đeo vào cổ, chân của chúng, và tám thứ vật khác, hoặc được che kín, hoặc không che kín. Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp chạm vào các vật trên loài hai chân ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu rời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là những vật dụng ở trên loài hai chân.

13. Loài vật không chân: Đó là rắn, trăn, hoặc ăn hoa, ăn trái, ăn thịt, hay chỉ thở bằng không khí, hoặc rắn được nhốt trong lọ hay trong lồng.

Có một Tỳ-kheo vốn là người nuôi rắn, về sau xuất gia. Vị này muốn bắt trộm con rắn của một người khác, nhưng sợ người chủ hay biết, liền xách cả cái lồng đi, thì chưa phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu bắt rắn, bỏ lồng lại, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu chỉ có ý trộm lồng, không trộm rắn, mà vì sợ chủ biết, nên lấy luôn cả rắn thì chưa phạm tội Ba-la-di. Nếu bỏ rắn lấy lồng, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu định trộm cả lồng và rắn, thì khi xách đi khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, phạm tội Ba-la-di. Nếu bắt trộm con rắn trong lọ mà đuôi rắn chưa ra khỏi miệng lọ thì chưa phạm Ba-la-di. Nếu cả đầu và đuôi đều ra khỏi lọ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu tức giận, khiển trách kẻ ấy, mắng: “Quân ác độc, vì sao lại dùng lồng để nhốt chúng sinh”. Liền mở lồng để cho rắn bò ra, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào loài không chân, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu rời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là những loài vật không chân.

14. Những đồ vật ở trên loài không chân: Đó là vàng, bạc, chân châu, xà cừ, hổ phách, san hô, ngọc trai, lưu ly, xích châu cho đến tám loài vật, hoặc được che kín, hoặc không che kín, vì người ta sợ loài vật không chân này nên không dám lấy (vật trên nó). Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào những đồ vật ở trên loài không chân này thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động các vật ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là những vật ở trên loài không chân.

15. Vật không trung: Đó là cây Am-la, cây Chiêm-bạc, cây Diêm-phù, cây Đa-tử, cây Chỉ-ba-la, cây Long hoa, cây Cát tường, quả, cho đến tất cả cây có hoa trái. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp lấy trộm các cây đó, khi lấy một cây mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số quy định, tùy theo mức độ, như nhổ các cây con thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nhổ cây con để lại một chỗ thì chưa phạm tội Ba-la-di.

Nếu mang đi khỏi khu đất ấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu cây nặng, kéo đi mà chưa rời khu đất dù đã đi xa thì chưa phạm tội Ba-la-di.

Nếu đem đi khỏi khu đất thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp đụng vào vật trên hư không thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là vật không trung.

16. Vật ở trên không trung: Đó là quả Am-la (xoài) cho đến quả Cát tường. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm các loại trái cây ấy để ăn, nếu ăn một trái mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ, thì cứ mỗi miếng phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo đụng vào cây, trái rơi xuống đất, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu nhặt trái mang đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu hai người đi hái trộm quả, một người lên cây hái quả ném xuống, một người dưới đất nhặt quả, thì chưa phạm tội Ba-la-di.

Nếu người trên cây đã xuống tới đất, mang quả đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Lấy trộm tất cả các loại quả khác cũng như thế.

Nếu tại các nơi như Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân, chỗ Tôn giả A-nan mở đại hội, La-hầu-la mở đại hội, Ban-giá-vu-sất mở đại hội, có trồng các hàng cây, và trên các cây được trang trí các thứ châu báu và tám loại vật, hoặc được che kín, hoặc không che kín. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào các vật báu đó, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là những vật ở trên không trung.

Trong mười sáu vật đã kể trên, nếu Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp đụng vào chúng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Lại có mười ba trường hợp sai biệt. Đó là:

1. Vật sai biệt.
2. Xứ sai biệt.
3. Bất định sai biệt.
4. Tường vách sai biệt.
5. Lồng sai biệt.
6. Ký sai biệt.
7. Tạp sai biệt.
8. Phương sai biệt.
9. Tướng sai biệt.
10. Cây cọc sai biệt.
11. Vườn sai biệt.
12. Ăn trộm sai biệt.
13. Thuế sai biệt.

1. Vật sai biệt: Vật gồm có tám loại:

- a. Thuốc dùng đúng thời.
- b. Thuốc dùng ban đêm.
- c. Thuốc dùng trong vòng bảy ngày.
- d. Thuốc dùng suốt đời.
- e. Vật tùy thân.
- g. Vật nặng.
- h. Vật không thanh tịnh.
- j. Vật thanh tịnh và không thanh tịnh.

Đó gọi là những vật sai biệt.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào các vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

2. Xứ sai biệt: Đó là đất và những vật trong đất, nước và những vật trong nước, thuyền và những vật trên thuyền, xe và những vật trên xe, loài bốn chân và những đồ vật trên loài bốn chân, loài hai chân và những đồ vật trên loài hai chân, loài không chân và những đồ vật trên

loài không chân, không trung và những vật trên không trung.

Đó gọi là xứ sai biệt.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp sờ vào những vật đó, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

3. Bất định sai biệt: Có trường hợp biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Có trường hợp không biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Hoặc biết mà nói dối phạm tội Ba-la-di. Hoặc biết mà nói dối phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc biết mà nói dối phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc biết mà nói dối phạm tội Việt-tỳ-ni.

- Biết mà nói dối phạm tội Ba-la-di: Nếu Tỳ-kheo không thật sự đạt được pháp siêu việt hơn người mà nói: “Tôi đắc quả A-la-hán”, thì đó là biết mà nói dối, không phải phạm tội Ba-dạ-đề mà là phạm tội Ba-la-di.

- Biết mà nói dối phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa: Nếu Tỳ-kheo vô cớ vu khống Tỳ-kheo khác phạm tội Ba-la-di, thì đó là biết mà nói dối, không phải phạm tội Ba-dạ-đề mà là phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Biết mà nói dối phạm tội Thâu-lan-giá: Nếu Tỳ-kheo nói: “Tôi là bậc A-la-hán”, thì đó là biết mà nói dối, nên không phải phạm tội Ba-dạ-đề mà là phạm tội Thâu-lan-giá.

- Biết mà nói dối phạm tội Việt-tỳ-ni: Nếu Tỳ-kheo tự nói: “Tôi là A-la-hán chăng?”. Đó là biết mà nói dối, không phải phạm tội Ba-dạ-đề, mà phạm tội Việt-tỳ-ni.

- Biết mà nói dối, phạm Ba-dạ-đề: Trừ các việc trên, ngoài ra tất cả những lời nói dối đều thuộc về biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Lại có các trường hợp: Tàn hại cây cỏ, phạm Ba-la-di. Có trường hợp tàn hại cây cỏ phạm Thâu-lan-giá. Có trường hợp tàn hại cây cỏ phạm Ba-dạ-đề.

- Trường hợp tàn hại cây cỏ phạm Ba-la-di: Như cây cối hoa quả có chủ giữ gìn mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp định lấy rồi làm tàn hại chúng, nếu đủ số quy định, thì không phải phạm tội Ba-dạ-đề mà là phạm tội Ba-la-di.

- Tàn hại cây cỏ phạm Thâu-lan-giá: Nếu cây cối hoa quả có chủ giữ gìn mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, lấy trộm chúng, chưa đủ số quy định thì không phải tội Ba-dạ-đề mà là tội Thâu-lan-giá.

- Tàn hại cây cỏ phạm Ba-dạ-đề: Tàn hại tất cả cây cỏ đều phạm tội Ba-dạ-đề.

Có trường hợp ăn phi thời phạm Ba-la-di. Có trường hợp ăn phi thời phạm Thâu-lan-giá. Có trường hợp ăn phi thời phạm Ba-dạ-đề.

- Ăn phi thời (không đúng giờ) phạm Ba-la-di: Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp lấy trộm thức ăn của người khác rồi ăn phi thời, nếu đủ số quy định thì không phải phạm Ba-dạ-đề mà là phạm Ba-la-di.

- Ăn phi thời phạm Thâu-lan-giá: Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp lấy thức ăn của người khác ăn lúc phi thời mà chưa đủ số quy định thì không phải phạm Ba-dạ-đề mà là phạm Thâu-lan-giá.

- Ăn phi thời phạm Ba-dạ-đề: Nếu Tỳ-kheo nhận thức ăn hợp pháp nhưng ăn lúc phi thời, thì phạm Ba-dạ-đề.

Không phải uống rượu chỉ phạm Ba-dạ-đề, mà có trường hợp uống rượu phạm Ba-la-di. Có trường hợp uống rượu phạm Thâu-lan-giá. Có trường hợp uống rượu phạm Ba-dạ-đề.

- Trường hợp uống rượu phạm Ba-la-di: Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, lấy rượu của người khác uống, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

- Trường hợp uống rượu phạm Thâu-lan-giá: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp lấy rượu của người khác uống, chưa đủ số quy định, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

- Trường hợp uống rượu phạm Ba-dạ-đề: Nếu Tỳ-kheo nhận được rượu hợp pháp mà uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp xúc chạm vào các vật bất định sai biệt thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là các vật bất định sai biệt.

4. Tường vách sai biệt: Chuồng voi, chuồng ngựa, chuồng lạc đà, chuồng lừa, bò, dê, vườn rau, vườn cải, vườn dưa, vườn mía v.v... Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp bắt voi của người ta, voi dỡ lên một chân cho đến bốn chân, ra tới cửa chuồng, nhưng thân nó chưa ra khỏi cửa thì phạm tội Thâu-lan-giá, khi thân ra khỏi cửa thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả các con vật khác kia cũng thế. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp bắt dê của người ta, dê sợ bỏ chạy, bèn nổi giận đánh chết thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo cắt thịt nó ném ra ngoài hàng rào thì chưa phạm Ba-la-di, nhưng khi mình ra khỏi hàng rào, rồi mang thịt rời khỏi khu vực đó đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc trở lại trong chuồng, ăn thịt, đủ số quy định, thì phạm tội

Ba-la-di.

Nếu hai Tỳ-kheo đi bắt trộm dê, một người ở ngoài rào, một người ở trong rào, người ở trong cắt thịt ném ra ngoài rào, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu người ấy ra ngoài, mang thịt rời khỏi khu vực đó, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp đi nhổ cải trộm, nếu nhổ một cây mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu chưa đủ, thì khi nhổ, cứ mỗi cây phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu nhổ chất lại một đồng, thì chưa phạm Ba-la-di, nhưng khi mang ra khỏi vườn thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nhổ những gốc lớn không thể mang đi được, dù kéo đi hơi xa, cũng chưa phạm Ba-la-di.

Nếu đã rời khỏi đám đất, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Tất cả các thứ rau cho đến dưa cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, chặt trộm mía của người, ăn đúng thời, dù một cây mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số quy định, thì cứ mỗi cây phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu chặt vứt ra ngoài hàng rào thì chưa phạm Ba-la-di, mà phạm Ba-dạ-đề.

Nếu ra khỏi vườn, mang đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo có tâm trộm cắp, lại xảo trá lấy mía buộc dưới gót chân kéo đi, dù đi hơi xa, vẫn chưa phạm Ba-la-di.

Nếu rời khỏi khu đất, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo ở trong vườn chặt mía vứt ra cho Tỳ-kheo ở ngoài vườn, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu người ấy ra rồi vác mía rời khỏi khu vườn, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu lúc Tỳ-kheo vác mía đi, tuy chạm vào cây và lá mía, nhưng chưa rời khỏi vườn, thì chưa phạm Ba-la-di.

Sau khi đã rời khỏi vườn, thì phạm Ba-la-di.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, chạm vào các vật kể trên, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

5. Lòng sai biệt: Đó là các giống chim như Oanh vũ v.v... các

giống thú như sư tử v.v...

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, khi lấy trộm chỉ muốn trộm chim không muốn trộm lông, nhưng sợ người ta phát giác nên xách cả lồng đi, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu bỏ lồng lại bắt chim đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu muốn trộm lồng, không trộm chim, nhưng sợ người ta biết nên đem cả chim đi, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu thả chim ra, xách lồng đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu muốn lấy trộm cả lồng và chim đi, khi mang đi khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, khi tay còn đang bắt chim trong lồng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi một chân chim ra khỏi lồng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Khi hai chân ra khỏi lồng mà cánh, đuôi chưa ra khỏi miệng lồng thì chưa phạm tội Ba-la-di.

Khi hoàn toàn rời khỏi lồng, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo bắt trộm sư tử mà tay còn ở trong chuồng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu kéo ra được một chân (sư tử) thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng khi bốn chân ra khỏi chuồng mà đuôi chưa ra khỏi, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu hoàn toàn ra khỏi, thì phạm tội Ba-la-di. Tất cả các loài thú khác cũng như vậy.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào các vật ở trong lồng sai biệt như vậy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

6. Ký gửi sai biệt: Nếu Hòa thượng, thầy, đệ tử bạn hữu gửi vật nhờ ai đó giữ giúp, như bát, y và các vật khác, mà người nhận suy nghĩ: “Người gửi đã đi xa, mà vật gửi không biết thứ gì, vậy vật này ta phải xử dụng”, bèn sinh tâm trộm cắp lấy vật đó, từ dưới đất để lên đầu gối, từ đầu gối đặt xuống đất, từ vai trái đặt lên vai phải, cho đến từ đầu để lên vai, mỗi mỗi sự di động, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo nhận gửi gắm rồi, bèn đi qua sông, hoặc lội qua ao, hoặc qua chỗ nước xoáy, hoặc gặp mưa, sợ ướt nên mở ra xem, thấy y ấy đẹp, liền suy nghĩ: “Người gửi ấy đã đi xa, người hiện tiền không

biết, vật này ta nên sử dụng”. Bèn sinh tâm trộm cắp lấy vật ấy, từ đất để lên đầu gối, từ đầu gối đặt xuống đất, từ vai trái đặt qua vai phải, hoặc từ vai để lên đầu, mỗi mỗi sự di động, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Vị Tỳ-kheo nhận ký gởi đang đi trên đường, thấy vị Tỳ-kheo khác từ chỗ ở trước kia đến, liền hỏi Tỳ-kheo ấy: “Trưởng lão từ nơi nào đến vậy?”.

Đáp: “Từ chỗ nọ đến”.

Hỏi: “Biết vị Tỳ-kheo kia chăng?”.

Đáp: “Biết”.

Liền hỏi: “Vị Tỳ-kheo ấy có bình an không?”.

Đáp: “Chết” hoặc “Đã nhập Niết-bàn”.

Nếu thế, thì các y phục và vật dụng ấy phải thuộc về hiện tiền Tăng. Nhưng nếu vị Tỳ-kheo nhận vật ký gởi biết pháp mà gian trá, liền suy nghĩ: “Tội gì mà ta chia cho vị Tỳ-kheo này”, liền im lặng bỏ vị Tỳ-kheo ấy, đi tới chỗ khuất không thể nghe thấy, rồi nói: “Vị Tỳ-kheo mổ giáp kia đã quá cố, đã nhập Niết-bàn. Các y bát và vật dụng khác của vị ấy nên chia cho Tăng chúng hiện tiền, nhưng hiện tiền không có Tăng chúng, nên tôi phải nhận lấy”. Vị Tỳ-kheo này dùng tâm gian trá để độc chiếm các vật đó, nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc giả, vị Tỳ-kheo nhận đồ ký gởi muốn đi thuyền qua sông, bỗng có vị Tỳ-kheo khác từ bờ kia đi qua. Vị này hỏi vị ấy: “Thầy từ đâu đến?”.

Đáp: “Từ chỗ ấy đến”.

Lại hỏi: “Có biết vị Tỳ-kheo kia chăng?”.

Đáp: “Biết”.

Lại hỏi: “Vị Tỳ-kheo ấy bình an chăng?”.

Đáp: “Đã chết, đã nhập Niết-bàn”.

Bấy giờ, y phục và vật dụng (của Tỳ-kheo quá cố) phải thuộc về Tăng chúng hiện tiền, nhưng thầy Tỳ-kheo này biết pháp mà gian trá, làm yết-ma để độc chiếm y vật, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc vị Tỳ-kheo nhận đồ ký gởi đi thuyền đến giữa sông thì gặp một Tỳ-kheo khác từ bên kia đi lại, thầy liền hỏi: “Trưởng lão từ đâu đến?” v.v... cho đến dùng tâm yết-ma gian trá thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc giả thầy Tỳ-kheo nhận đồ ký gởi đến bờ bên kia, xuống thuyền, liền gặp một Tỳ-kheo khác sắp lên thuyền v.v... cho đến dùng tâm yết-ma gian trá thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc Tỳ-kheo nhận đồ ký gởi đã lên khỏi bờ, gặp một Tỳ-kheo

khác từ bên kia đi lại, liền hỏi: “Trưởng lão từ đâu đến?”. Đáp: “Từ nơi ấy đến” v.v... cho đến dùng tâm gian trá làm phép yết-ma thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thầy Tỳ-kheo ấy hoặc suy nghĩ: “Hiện tại thấy có nhiều người cùng tên, vậy phải làm cách nào đến được nơi ấy?”. Đến nơi ấy rồi, liền hỏi vị Tỳ-kheo kia có được bình an không thì được biết, hoặc đã chết, hoặc đã nhập Niết-bàn. Khi ấy, y vật đương nhiên thuộc về Tăng chúng hiện tiền. Thầy Tỳ-kheo này tuy biết pháp, nhưng gian trá suy nghĩ: “Y ấy vì sao phải chia cho nhiều người?” Liền gọi riêng thầy Tỳ-kheo quen biết ra ngoài giới trường, bảo: “Thầy Tỳ-kheo mỗ giáp đã quá cố, đã nhập Niết-bàn, y bát và các tạp vật nên chia cho Tăng hiện tiền, giờ đây hai chúng ta là người hiện diện, nên nhận lấy”. Cách nhận ấy là phép yết-ma gian trá, nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo này suy nghĩ: “Trước đây (vị ấy) bảo ta tặng y này cho tháp, cho Tăng, mà nay thầy đã mất, đã nhập Niết-bàn”, liền mang vật ấy trở về lại chỗ cũ (trú xứ của Tỳ-kheo đã mất), thì không phạm tội. Đó gọi là ký gởi sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào vật ký gởi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến đời khởi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

7. Táp vật sai biệt: Như người chăn nuôi, chăn các loài súc vật như: voi, ngựa, bò, lạc đà, lừa, dê v.v...

- Voi: Voi có nhiều thứ, như voi tốt, thuần dưỡng, đẹp đẽ, khỏe mạnh, chạy nhanh.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp bắt lấy voi, leo lên cưỡi rồi thúc voi về một phương nào đó như phương Đông, nhưng voi nổi khùng chạy về phương Nam, Tây, Bắc thì chưa phạm Ba-la-di. Hoặc muốn dắt voi về phương Nam, nhưng voi phát khùng chạy về phương Tây, Bắc, Đông, thì chưa phạm Ba-la-di; hoặc về phương Tây, Bắc cũng thế.

Nhưng nếu muốn dắt trộm voi về phương Đông mà voi đi về phương Đông, thì phạm Ba-la-di; phương Nam, Tây, Bắc cũng thế.

Nếu lúc đầu không định phương hướng, tùy nơi mà đi, thì khi voi dõ lên đủ bốn chân, phạm tội Ba-la-di.

- Ngựa: Ngựa có nhiều loại, có loài thuần dưỡng, sắc đẹp, chạy nhanh.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, bắt con ngựa ấy, rồi leo lên ngựa thúc về phương Đông, nhưng ngựa nổi cuồng chạy về phương Nam, Tây, Bắc thì chưa phạm Ba-la-di.

Cũng vậy, các phương Nam, Tây, Bắc kia cũng thế, ngựa tỳ phương đi như trên đã nói. Nếu không định phương hướng, tỳ chỗ mà đi, thì khi ngựa đã đỡ lên cả bốn chân, phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo trộm con ngựa tốt, cưỡi chạy, rồi chủ ngựa hay được, lên ngựa đuổi theo, nhưng chủ chưa cho là đã mất ngựa, Tỳ-kheo không nghĩ là mình đã được, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu chủ ngựa nghĩ là đã mất ngựa, Tỳ-kheo tưởng là đã được ngựa, thì phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, dùng môi hoặc cỏ nhử ngựa người ta đem đến chỗ không thấy, không ghe được nữa, thì phạm tội Ba-la-di.

- Bò: Bò có nhiều loại, có loại thuần dưỡng, lông mịn, sắc đẹp, chạy nhanh.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, cầm roi đuổi bò về phương Đông, phạm và không phạm như đã nói trong trường hợp voi. Cho đến, nếu chủ bò hay được, đuổi theo, mà chủ không nghĩ là đã mất bò, Tỳ-kheo cũng không nghĩ là đã được, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nhưng nếu chủ bò nghĩ là đã mất, Tỳ-kheo nghĩ mình đã được, thì phạm Ba-la-di.

Nếu khởi tâm trộm cắp dùng môi hay cỏ nhử bò người ta dắt đi, hoặc dùng dây dài buộc dắt tới chỗ không còn ai trông thấy nữa, thì phạm Ba-la-di. Trường hợp trộm lạc đà, lừa, dê cũng như thế.

Đó gọi là tạp vật sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, chạm vào các vật kể trên thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến rời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

8. Cờ phướn sai biệt: Nếu tại các nơi Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân, chỗ A-nan mở đại hội, La-hầu-la mở đại hội, Bangiá-vu-sất mở đại hội, được trang các thứ như treo biểu ngữ, che lọng và các thứ linh quý; nếu Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm cờ phướn, mở được một đầu dây thì chưa phạm Ba-la-di.

Khi mở cả hai đầu, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp nói gạt là mình đi treo cờ phướn các nơi thì chưa phạm Ba-la-di.

Khi lấy rồi mang đi luôn, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo lấy trộm vòng hoa, mới mở một đầu thì chưa phạm Ba-la-di.

Khi mở cả hai đầu xong, đủ số quy định, thì phạm Ba-la-di.

Nếu hai Tỳ-kheo cùng đi lấy trộm cờ phướn trong chỗ tối không thấy nhau, mỗi người mở một đầu cuốn lại, gặp nhau ở chỗ giữa, liền hỏi: “Ông là ai?”. Người nghe hỏi hoảng sợ bỏ cờ phướn mà chạy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu hai Tỳ-kheo đùng độ, hỏi nhau, mỗi người đều nói mình lấy trộm cờ phướn, rồi lấy mang đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nhiều lá cờ có nhiều màu cùng cột một dây nặng nề, mỗi người mở một đầu rơi xuống đất, nhưng vì nặng mang không nổi, kéo lê đi, tuy xa chỗ cũ, vẫn chưa phạm tội Ba-la-di.

Khi đã dỡ lên khỏi đất, cả hai đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo này suy nghĩ: “Đây là vật trang trí tháp mà lấy đi, thì mang tội nặng. Ta chỉ cần một cái hai màu”. Rồi lấy cái ấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nghĩ: “Ta chỉ cần nửa màu”, rồi lấy cái ấy, chưa đủ số quy định, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu hai Tỳ-kheo lấy trộm cờ trong chỗ tối, cả hai không biết nhau, mỗi người mở một đầu cuốn lại, đến chỗ giữa gặp nhau, bèn hỏi: “Ông là ai?”. Rồi hoảng sợ bỏ cờ mà chạy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Một Tỳ-kheo khác buổi sáng sớm đi nhiều tháp, thấy cờ ấy rơi xuống đất, liền khởi tâm trộm cắp lấy đi, nếu đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Có người dùng bảy thứ báu trang trí cúng dường cây Bồ-đề như: vàng, bạc, chân châu, các lá cờ hoa dây vàng, kim tuyến, móc vàng, linh treo, ánh vàng rực rỡ cả núi. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, lấy các vật ấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Lại nữa, các tháp của ngoại đạo cũng có các thứ lụa là rực rỡ cúng dường. Nếu Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp để lấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu gió thổi làm rơi (các vật kia) xuống đất, (mà Tỳ-kheo) biết đó là các vật cúng dường của tháp, thì không nên lấy. Nếu bị gió thổi bay xa bụi bặm vấy bẩn, mình tưởng là vật phẩn tảo (vứt bỏ) mà lấy, thì không có tội. Hoặc trong thiên tự (chùa thờ trời) có các y vật, Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp để lấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu (các vật ấy) bị gió thổi bay xa, bụi bặm vấy bẩn, mình tưởng là đồ bỏ mà lấy, thì không có tội.

Đó gọi là cờ phướn sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào các thứ cờ

phườn sai biệt ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đi động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

9. Tướng sai biệt: Nếu có nhà trưởng giả để y phục, chuỗi anh lạc bữa bãi chưa thu cất, khi ấy Tỳ-kheo dẫn Sa-di đến nhà, trông thấy rồi sinh tâm trộm cắp, lấy y vật đó bỏ vào trong xách, bảo Sa-di mang đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi Sa-di đem đi khỏi phạm vi nhà, thì (Tỳ-kheo) phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu (Tỳ-kheo) nghĩ mình đã được, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu khi ấy chủ nhân phát hiện, liền hỏi Tỳ-kheo: “Trưởng lão làm gì thế?”.

Đáp: “Lão gia, tôi sờ thử đó mà”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo bảo người thế tục mang đi, thì cũng phạm tội như trên đã nói. Như trưởng hợp dẫn dê lông dài đi cũng thế.

Nếu Tỳ-kheo vào nhà trưởng giả, dê con thấy sắc y của Tỳ-kheo tưởng là mẹ nó, nó bèn chạy tới, thì Tỳ-kheo phải đuổi nó trở lại, nhược bằng dùng môi hay cỏ nhử nó chạy theo, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi dẫn nó đi chưa khỏi ranh giới, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Khi ra khỏi ranh giới thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu trong lúc thọ trai, Tỳ-kheo sinh tâm trộm cắp, bỏ chén, thì vào trong bát mình, rồi bảo đệ tử mang đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi đệ tử ra khỏi ranh giới thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nghĩ là mình đã được, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo đệ tử biết được, liền hỏi: “Trưởng lão làm gì thế?”.

Đáp: “Ta đùa đấy mà”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo cùng với khách buôn đi đường, giữa đường lại gặp một đoàn khách buôn từ bên kia đi lại. Rồi hai đoàn cùng nghỉ một chỗ. Nửa đêm, Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, đem xe của người này đổi xe của người khác, đem đàn ông của người này hoán vị đàn ông của người kia, đem phụ nữ của người này hoán vị phụ nữ của người kia, đem trẻ con của người này hoán vị trẻ con của người kia, muốn hai đoàn khách mang đi lẫn lộn. Khi làm như vậy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi họ rời khỏi ranh giới chỗ tạm trú, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nghĩ là mình đã được, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là tướng trạng sai biệt của vật.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, chạm vào các tướng sai biệt của vật thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

10. Cây cọc sai biệt: Các nơi như chỗ Phật đản sinh, chỗ Phật thành đạo, chỗ chuyển pháp luân, chỗ A-nan mở đại hội, chỗ La-hầu-la mở đại hội, chỗ Ban-giá-vu-sất đại hội, có các vật trang trí đẹp đẽ tại các tinh xá, các cờ lọng nhiều màu sắc treo trên các cây cọc đó đây, các loại châu báu treo trên các cây cọc v.v... nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp định lấy các báu vật trên các cây cọc ấy, đưa tay lấy báu vật mà chưa gỡ khỏi dây buộc vào cọc, thì chưa phạm tội Ba-la-di. Nhưng khi rời khỏi cọc thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu dây buộc cứng chắc, khi lấy báu vật dây buộc rời khỏi cây cọc, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu muốn lấy trộm cả cọc, thì khi tay chạm vào sẽ phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động cây cọc ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu trên cọc treo các bình sữa, bình dầu, bình mật, hoặc bát, tờ lụa mà Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp lấy bình sữa ấy, thì khi dùng tay đỡ lên, do dây mềm cọc thẳng, nên tuy đỡ, chưa phạm Ba-la-di. Khi tất cả rời khỏi cọc, thì phạm Ba-la-di.

Nếu dây cứng chắc cọc cong, tuy đỡ chưa phạm Ba-la-di.

Khi tất cả đều rời khỏi cọc đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu dây cứng chắc mà cọc lại thẳng, thì khi đỡ lên liền phạm Ba-la-di.

Nếu khoét cho lủng bình thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi rót từ bình kia qua bình mình thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Khi ngưng rót, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu khi đang rót mà bỗng hối hận, sợ phạm tội nặng, bèn trút lại vào trong bình thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Các bình dầu, bình mật kia cũng thế.

Nếu Tỳ-kheo muốn lấy trộm bát, khi dùng tay đỡ lên, do dây mềm cọc thẳng, nên dù đỡ vẫn chưa phạm Ba-la-di.

Khi bát rời khỏi cọc thì phạm Ba-la-di.

Nếu dây cứng chắc mà cọc cong, thì dù đỡ vẫn chưa phạm Ba-la-di.

Khi rời khỏi cọc thì phạm Ba-la-di.

Nếu dây mềm trụ cong, thì dù đỡ cầm vẫn chưa phạm Ba-la-di.

Khi rời khỏi cọc thì phạm Ba-la-di.

Nếu dây cứng chắc, cọc thẳng, thì dỡ lên liền phạm Ba-la-di.

Nếu lấy trộm tơ lụa thì cũng giống như trường hợp đã nói ở trên. Lại nữa, khi ăn trộm tơ lụa, nếu suy nghĩ: “Ta cần một ít lụa”, rồi leo lên cọc cuốn lấy lụa thì khi cuốn chưa xong chưa phạm Ba-la-di.

Khi đã cắt đứt lụa, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Khi Tỳ-kheo cuốn lấy lụa, nhưng cuốn chưa xong, liền hối hận, sợ phạm tội nặng, bèn để lại chỗ cũ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Đó gọi là cây cọc sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp chạm vào những cây cọc sai biệt, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

11. Vườn sai biệt: Bấy giờ, có một trưởng giả thuộc hàng đại phú, có một Tỳ-kheo tên Câu-lô thường vào ra nhà ông. Gia đình ông, cha mẹ anh em thường sống chung một nhà, nhưng khi cha mẹ chết thì trong nhà bất hòa, người em muốn chia gia tài mà người anh không bằng lòng, muốn sống chung cho có tình nghĩa. Người em đòi chia gia tài mãi, người anh bất đắc dĩ phải đồng ý. Thế rồi họ bàn bạc: “Ai có thể chia được?”, và cùng nhau nhất trí là chỉ có thầy Câu-lô, vì khi cha mẹ còn sống, cúng dường thầy rất trọng hậu, trong nhà có gì hay không thầy biết rất rõ. Lúc ấy, người em gian manh liền đến Câu-lô lễ bái rồi thưa: “Thưa thầy, thầy được cha mẹ tôi tôn trọng, anh em tôi kính mến, trong nhà có gì hay không thầy đều biết rõ. Khi cha mẹ còn sinh tiền, anh em sống với nhau, nay cha mẹ đã qua đời, trong nhà bất hòa, muốn chia gia tài, nên tôi đến đây thưa với thầy, sau khi ở riêng tôi sẽ cúng dường thầy, và sẽ tự nuôi sống với những vật cúng dường còn lại, mong khi chia gia tài, thầy dành phần tốt cho tôi”. Nếu Tỳ-kheo nhận lời người ấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi giữ lại vật tốt thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Khi đã chia vật dụng xong, thì phạm tội Ba-la-di.

Lúc sắp chia vật dụng, Tỳ-kheo hỏi: “Nên chia vật gì trước hết?”. Chủ nhân đáp: “Trước hết chia loài hai chân và bốn chân”. Tỳ-kheo liền chia loài hai chân trước. Trong hàng nô tỳ những người già cả khó sai bảo, không tin cậy được chia thành một phần, còn những người trai trẻ, không bệnh, dễ sai bảo, tin cậy được chia thành một phần. Khi chia loài bốn chân thì trong đàn bò những con già nua mất sức, xấu xí, khó dùng, không sinh sản, ít sữa, hoặc có sữa mà không vắt được, chia thành một phần, còn những con răng nhỏ, mập mạp, lanh lẹ, dễ sử dụng, miễn

để, nhiều sữa, hiền lành, dễ dạy, chia thành một phần.

Khi chia phòng xá thì xếp các loại cũ kỹ, mục nát, thành một phần, còn những ngôi nhà mới đẹp đẽ, xếp thành một phần.

Về lâu gác, hàng quán cũng như thế.

Cho đến chia ruộng thì xếp những đám cằn cỗi, đất xấu thành một phần, những đám phì nhiêu, đất tốt thành một phần. Trong vườn, những chỗ đất chết, ít hoa trái chia thành một phần, còn chỗ đất tốt, hoa trái sum sê chia thành một phần. Lại sắp chia lúa thóc, vàng bạc, của cải.

Bấy giờ, người anh nói với Tỳ-kheo: “Thầy là người mà cha mẹ tôi kính mến, anh em tôi tôn trọng, vì sao chia của lại chia như thế?”.

Thầy ấy bèn suy nghĩ lại về Phật dạy: “Nếu Tỳ-kheo đem cái tâm như thế mà chia của cho người ta, thì dù chủ không đồng ý nhận phần, cũng phạm tội Việt-tỳ-ni”.

Khi Câu-lô trở về rồi, hai anh em người ấy bèn bàn bạc: “Vậy thì ai là người mà cha mẹ kính trọng, là bậc kỳ cựu Đại đức biết trong nhà có gì hay không có, để nhờ họ chia của? Nếu không chia nhanh, sợ Vua nghe được hoặc có thể đánh thuế đoạt mất”. Họ nghĩ lại thì thấy Câu-lô không có lỗi, nên anh em bàn nhau mời Câu-lô chia gia tài trở lại. Thế rồi, họ đi đến Câu-lô, lễ bái thăm hỏi, rồi ngồi sang một bên, bạch với Câu-lô: “Thầy là người mà cha mẹ tôi kính trọng, trong nhà có gì hay không thầy đều biết, nay hãy vì chúng tôi mà chia giúp gia tài này”.

Lúc ấy, Câu-lô tức giận, vì trước đó họ không chịu nhận sự phân chia, nên bảo: “Anh em người bạc nghĩa, đa nghi, bất tín, ai còn nhẫn nại để chia gia tài cho bọn người nữa?”.

Anh em họ liền thưa: “Trước đây vì chúng tôi bồng bột nên cảm thấy hổ thẹn với thầy, trong nhà của cải nhiều ít thầy đều biết rõ, nay xin thầy hãy chia giúp tài sản này. Nếu để quan thuế biết được, e họ đánh thuế cướp mất, cho nên chúng tôi muốn chia cho nhanh”.

Tỳ-kheo hỏi lại: “Các người nhất định muốn nhờ ta chia sao?”.

Đáp: “Đúng thế thưa thầy”.

Tỳ-kheo ấy liền bảo: “Nếu đã nhất quyết thì phải cam kết, sau khi chia của, được phần liền nhận, không ai được nói gì nữa, thì ta mới chia cho các người”. Họ đồng thanh đáp: “Xin vâng lời dạy, không dám trái lời nữa”. Thầy Tỳ-kheo ấy khi đã nhận lời thỉnh cầu của họ phải chia phần bằng nhau. Khi chia ruộng phải dùng dây căng ra đo đất, nếu đem tâm thiên vị mà đo đất thì dù chênh lệch nhau một buội lúa, Tỳ-kheo này liền phạm tội Ba-la-di. Vì đất vốn là vật vô giá.

Đó gọi là vườn (đất) sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào các vườn sai biệt này thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

12. Ăn trộm sai biệt: Có các Tỳ-kheo đang đi đường bị đám cướp cướp của, nhưng giặc cướp ít, Tỳ-kheo đông. Lúc ấy, các Tỳ-kheo bèn bảo nhau: “Nay đám cướp ít mà chúng ta đông, ta phải hợp nhau lấy lại vật đã mất”, bèn cùng nhau cầm gạch, đá, đuổi theo đám cướp ấy mà mắng lớn: “Quân trộm cướp tệ ác tội lỗi kia! Chúng ta đã tự mình cạo bỏ râu tóc, các người tưởng ta cắt bỏ luôn cả tay rồi chằng?”. Lúc ấy, đám cướp liền vứt y bát, tìm đường tẩu thoát. Nếu các Tỳ-kheo ấy chưa nghĩ là mình đã mất của, rồi lấy lại vật cũ thì không có tội. Nếu nghĩ là mình đã mất, rồi lấy lại vật ấy, tức là kẻ cướp lấy đồ của kẻ cướp, hề đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Có các Tỳ-kheo đang đi đường bị giặc cướp cướp đoạt. Các Tỳ-kheo mất y bát rồi, vào núp trong rừng, đám cướp suy nghĩ: “Nhóm của chúng ta đông mà vật này thì ít, chia nhau sao đủ? Ta phải tìm thêm chút ít nữa”. Liền đem y bát cất giấu một chỗ, rồi cướp của những người đang đi đường khác. Khi ấy, các Tỳ-kheo thấy được các vật chúng cất giấu, rình chờ đám cướp đi khỏi, bèn lấy lại y bát. Nếu các Tỳ-kheo ấy trước đó không nghĩ là mình đã mất của, rồi lấy lại vật cũ, thì không có tội. Nếu nghĩ là đã mất thì không nên lấy. Nếu lấy tức là đi cướp đồ của kẻ cướp, hề đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Lại có Tỳ-kheo đi đường bị đám cướp cướp đoạt y bát của Tỳ-kheo, rồi thuận đường đi tiếp. Khi ấy, Tỳ-kheo trông chừng xem chúng đi đâu, rồi theo sát chúng không ngừng. Đến một làng kia, đám cướp liền chia đồ vật. Tỳ-kheo bèn nói với chúng: “Các lão trượng! Tôi là người xuất gia, xin của người khác để nuôi sống. Các vị có thể xin y bát của tôi, nhưng các vị đâu có dùng y bát này làm gì?”. Nếu Tỳ-kheo nói như thế mà đòi lại được, thì không có tội.

Nếu đám cướp mắng: “Này kẻ Sa-môn tệ ác! Ta định xin cả tính mạng của người. Sao người còn dám tới đây mong đòi lại y bát?”.

Tỳ-kheo suy nghĩ: “Ở đây gần làng xóm, đám cướp này ắt không dám hại ta, ta phải dọa chúng”.

Liền nói với đám cướp: “Các người tưởng ta không có ai che chở sao? Ta sẽ tâu với Vua và các quan Đại thần biết các người là đám cướp”. Nếu đe dọa chúng mà được, thì không có tội.

Nếu quân cướp nổi giận nói: “Ta nhất định không cho, người muốn đi thưa tùy ý”, mà Tỳ-kheo trình báo với xã trưởng, rồi ông ta bắt đám

cướp hoặc trói, hoặc giết, thì không nên báo. Nếu báo với xã trưởng tìm phương tiện khuyến dụ họ mà được lại y bát, thì không có tội.

Lại có thầy Tỳ-kheo có nhiều y bát, nuôi đệ tử đông đúc, mà đệ tử của thầy thì không tu giới hạnh, nên họ nghĩ như sau: “Hãy đến phòng của thầy Hòa thượng lấy trộm các y bát. Y bát của tôi cũng để trong phòng của thầy”. Bèn hẹn nhau: “Nếu ông được y bát thì chia cho tôi, nếu tôi được cũng chia cho ông”, rồi vào trong phòng, đến chỗ móc y, lấy y của Hòa thượng đem để vào chỗ y của mình. Nếu chưa rời khỏi móc y cũ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu đã lấy y của thầy ra khỏi móc y, đem để vào chỗ y của mình, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu y của thầy còn vướng ở móc y, hoặc là dây tơ chưa rời khỏi móc y thì chưa phạm tội Ba-la-di, khi tất cả đều rời khỏi móc y, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thầy Hòa thượng nghi đệ tử có thể lấy trộm y bát của mình, bèn lấy y bát đó đem cất một chỗ khác. Người đệ tử bèn vào trong phòng tối ăn trộm nhằm y bát của mình, khi ra ngoài không phân biệt được. Nếu trong nửa số y đó mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Có một Tỳ-kheo Ma-ha-la (bán thế xuất gia), đã xuất gia mà không khéo giữ giới hạnh, nên có một Tỳ-kheo khác rủ: “Trưởng lão! Chúng ta hãy đi ăn trộm”.

Ma-ha-la đáp: “Lúc còn ở nhà, tôi không làm kẻ trộm, nay đã xuất gia lẽ nào lại làm kẻ trộm?”.

Tỳ-kheo kia nói: “Thầy không muốn ăn trộm thì chỉ cần giữ cửa, tôi sẽ chia phần cho thầy”.

Ma-ha-la suy nghĩ: “Ta không ăn trộm mà được chia phần bằng nhau, vì sao không đi”, bèn đáp: “Được”.

Thế rồi hai người cùng đi. Ma-ha-la giữ cửa, thầy Tỳ-kheo kia vào nhà ăn trộm đồ đạc. Lúc chạm vào đồ đạc, thì cả hai cùng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi di động đồ đạc thì cả hai phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì cả hai phạm tội Ba-la-di.

Nếu có Tỳ-kheo khách đến, rồi nghỉ tại phòng ăn, hoặc tại phòng tọa thiền, đến sáng sớm ra đi, bèn quên y bát và các vật khác. Bấy giờ, Tỳ-kheo tri khách (Ma-ma-đế) đi tuần hành các phòng ốc để xem Tỳ-kheo khách kia đi hay chưa, bỗng thấy y bát liền sinh tâm trộm cắp, lấy y bát dời sang một chỗ khác (cất giấu), thì phạm tội Ba-la-di.

Lại có Tỳ-kheo khác đến trông thấy y bát cũng sinh tâm trộm cắp, liền lấy dờ một chỗ khác cất giấu, cũng phạm Ba-la-di.

Lại một người thứ ba đến trông thấy lại sinh tâm trộm cắp, đem cất giấu một chỗ khác nữa, cũng phạm Ba-la-di. Tùy số người nhiều ít khởi tâm trộm cắp di chuyển (các vật ấy), tất cả đều phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu người chủ y vật khi đã đi xa bỗng nhớ lại, bèn quay về chỗ tạm trú, nhận lại được y vật, thì không có tội.

Có Tỳ-kheo quên y bát, Tỳ-kheo khác thấy, liền sinh tâm trộm cắp, nhưng không tự tay lấy mà khiến Tỳ-kheo thị giả (Ma-ha-la) lấy. Tỳ-kheo thị giả tưởng là y bát của thầy ấy bèn cầm lấy. Khi chạm vào y bát thì Tỳ-kheo có tâm trộm cắp kia phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi di động thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Khi dờ khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Còn Tỳ-kheo thị giả vì không có tâm trộm cắp, nên cả ba lúc đều không có tội. Nếu vị kia ban đầu bảo thị giả lấy y bát rồi sẽ chia phần, mà thị giả sinh tâm trộm cắp chạm vào thì ngay lúc ấy cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi di động, cả hai phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dờ khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì cả hai phạm tội Ba-la-di.

Nếu thị giả thấy rồi, suy nghĩ: “Việc gì phải chia phần cho ông ấy? Ta hãy độc chiếm”, rồi lấy đi thì phạm tội Ba-la-di.

Còn vị Tỳ-kheo kia phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo muốn làm tháp Phật mà không có vật liệu, trong khi chúng Tăng có vật liệu, liền suy nghĩ: “Trời người sở dĩ cúng dường chúng Tăng là đều mong ân Phật, cúng dường Phật tức là cúng dường chúng Tăng”, bèn đem vật của chúng Tăng sửa chữa tháp, thì Tỳ-kheo kiến thiết ấy phạm tội Ba-la-di. Nếu tháp có vật liệu mà chúng Tăng không có, liền suy nghĩ: “Cúng dường Tăng thì Phật cũng có trong đó”, liền đem vật của tháp cúng dường chúng Tăng, thì vị Tỳ-kheo kiến thiết này phạm tội Ba-la-di.

Nếu tháp không có vật liệu mà chúng Tăng có vật liệu thì được phép mượn dùng, nhưng phải làm biên bản ghi rõ: Lúc nào mượn dùng, lúc nào trả lại; trái lại, nếu Tăng không có vật liệu mà tháp có vật liệu, thì được phép mượn dùng cũng như thế. Khi bàn giao, thầy tri sự phải đọc biên bản bàn giao rõ ràng giữa chúng Tăng, nếu không đọc biên bản, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là mượn dùng tạm.

Hai Tỳ-kheo có tài vật chung phải chia nhau, nhưng một Tỳ-kheo sinh tâm trộm cắp độc chiếm, thì trừ ra phần của thầy, phần kia đủ số quy định sẽ phạm tội Ba-la-di.

Nếu thầy kia đồng ý, thì giữ lấy không có tội. Hoặc suy nghĩ: “Nay tôi mượn dùng, sau này sẽ trả lại”, thì không có tội.

Có hai Tỳ-kheo chuyên giáo hóa cùng cam kết với nhau: “Từ nay trở đi nếu tôi hoặc thầy được phẩm vật thì phải chia hai”. Nhưng sau đó, một người được một tấm y đẹp, bèn suy nghĩ: “Nếu sau này được cái khác chưa chắc được như thế này”, liền nói với bạn: “Từ nay trở đi lộc của ai thì thuộc về người ấy. Nếu thầy được thì thầy tự giữ lấy, nếu tôi được thì tôi tự giữ lấy”.

Vì chiếc y vừa được kia trái với cam kết, nên một nửa trong đó mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo này nhận bố thí, chú nguyện xong rồi, nói với thí chủ: “Hãy để vật này ở chỗ ông, sau này tôi sẽ lấy”, bèn nói với bạn: “Trưởng lão! Từ nay trở đi lộc của ai thì người ấy giữ lấy. Nếu thầy được thì thầy giữ, nếu tôi được thì tôi giữ”.

Khi nói lời ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo này nghe có người kia định bố thí y, liền nói trước với bạn: “Trưởng lão! Từ nay trở đi lộc của ai thì người ấy giữ lấy. Nếu tôi được thì tôi giữ, nếu thầy được thì thầy giữ”. Khi nói như thế thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Có hai Tỳ-kheo theo hạnh phần tảo y, cùng cam kết: “Từ nay trở đi nếu được phần tảo y, thì chúng ta chia nhau”.

Lúc ấy một Tỳ-kheo được y phần tảo đẹp, liền suy nghĩ: “Y này rất đẹp, sau này nếu được nữa thì chưa chắc được như vậy”, bèn nói với bạn: “Trưởng lão! Từ nay trở đi lộc của ai thì người ấy giữ lấy. Nếu thầy được thì thầy giữ, nếu tôi được thì tôi giữ”. Vì Tỳ-kheo này trái lời cam kết trước, nên trong nửa phần y ấy mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo này được y phần tảo đẹp mà không mang về, lại đem cất giấu, lấy cỏ, gạch phủ lên, rồi trở về giải lời cam kết như trên đã nói, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo này thấy y phần tảo đẹp nhưng không lấy cũng không cất giấu mà trở về giải lời cam kết như trên đã nói, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Các Tỳ-kheo phải biết vật của Tăng có trường hợp nên cho, có trường hợp không nên cho. Thế nào là nên cho? Hoặc là vì tổn hại, hoặc

là vì lợi ích.

Thế nào là vì tổn hại?

Có bọn cướp đến chùa đòi các thức ẩm thực, nếu không cho, thì chúng có thể đốt chùa cướp của, nên dù không đáng cho mà vì sợ chúng gây sự tổn hại, do đó, ta phải tùy nghi cho chúng nhiều ít.

Thế nào là vì lợi ích?

Khi sửa chữa phòng ốc của chúng Tăng, nên cho các thợ nề, thợ mộc, thợ vẽ, cai thầu ăn bữa sáng và bữa chiều, và cho các thứ dầu thoa, nước giải khát v.v... Hoặc Vua và các người có thế lực lớn, ta phải cho họ ăn uống.

Đó gọi là vì lợi ích nên phải cho.

Có Tỳ-kheo mất y bát, vật dụng, nếu chưa nghĩ xả bỏ nó, mà sau đó biết nó ở đâu rồi đến đó tìm, tìm được thì không phạm. Trái lại, nếu đã nghĩ đã xả bỏ nó, thì dù biết nó ở đâu cũng không nên đến tìm, vì tìm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu khi mất, bụng thăm nhủ: Sau này nếu biết nó ở đâu ta sẽ đến tìm, thì khi tìm được sẽ không có tội.

Có hai Tỳ-kheo cùng cam kết: Cùng thọ trì kinh chung, cùng tụng kinh chung. Nhưng về sau, không thọ trì, không đọc tụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là vật ăn trộm sai biệt.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào những vật ăn trộm sai biệt ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đi động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

13. Thuế sai biệt: Có một Tỳ-kheo đi đường cùng với khách buôn. Tỳ-kheo này có đồ chúng đông đảo. Khi ấy, khách buôn nói với một Tỳ-kheo: “Thầy của ông là bậc đại đức, đến chỗ thuế quan, ai mà dám kiểm tra. Ông hãy vì tôi cầm vật này bỏ vào trong xách y của thầy ông, đi qua chỗ thuế quan”. Người đệ tử ấy bằng lòng, cầm vật kia bỏ vào trong xách y của thầy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn thầy không biết nên không có tội.

Nếu đi qua chỗ thuế quan thì đệ tử phạm tội Thâu-lan-giá. Thầy không phạm.

Nếu qua khỏi chỗ thuế quan thì đệ tử phạm tội Ba-la-di. Thầy không phạm.

Nếu khách buôn nói với vị thầy: “Thầy là người phước đức, đồ chúng cùng đi ai dám kiểm tra, xin thầy vì tôi đem ít vật này bỏ vào túi

xách của đệ tử thầy để qua chỗ quan thuế”. Thầy ấy liền đồng ý, lấy bỏ vào trong túi xách của đệ tử, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đệ tử không biết nên không có tội.

Nếu đến chỗ quan thuế, thì thầy phạm tội Thâu-lan-giá. Đệ tử không có tội.

Nếu qua khỏi chỗ quan thuế, thì thầy phạm tội Ba-la-di. Đệ tử không có tội.

Nếu khách buôn nói với cả hai thầy trò và hai người đều đồng ý, thì cả hai phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến chỗ quan thuế, thì cả hai phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu qua khỏi chỗ quan thuế, thì cả hai phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo đi đường cùng với khách buôn, đến nơi xóm làng, Tỳ-kheo rửa tay, khách buôn hỏi: “Trưởng lão định đi đâu?”. Đáp: “Ta định đi khát thực”. Khách buôn nói: “Thầy khỏi đi khát thực, tôi sẽ cho đồ ăn”, bèn cho Tỳ-kheo các thức ăn ngon.

Khi ăn xong, nói với Tỳ-kheo: “Thầy hãy vì tôi cầm một ít vật này qua chỗ quan thuế”.

Tỳ-kheo nói: “Đức Thế Tôn chế giới không cho phép ta mang vật phải đóng thuế qua cửa thuế quan”.

Khách buôn suy nghĩ: “Qua cửa thuế quan cũng mất, cho Tỳ-kheo cũng mất, cả hai đều mất, nhưng cho Tỳ-kheo có thể được phước đức”, bèn nói với các Tỳ-kheo: “Hãy đứng theo thứ tự, tôi muốn bố thí”, liền tuân tự bố thí. Trong bát của mỗi người đều đầy những vật báu. Khi bố thí xong, khách buôn bèn đi qua cửa khẩu, dừng lại đợi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo sau đó đi đến. Người khách buôn ấy liền đánh lễ dưới chân các Tỳ-kheo, bạch: “Các tôn đức có biết không?”.

Các Tỳ-kheo đáp: “Biết”.

Lại hỏi: “Có biết trước đây tôi bố thí không?”.

Đáp: “Biết”.

Hỏi: “Nếu biết, thì vì sao tôi bố thí?”.

Đáp: “Vì ông muốn làm phước”.

Khách buôn nói: “Đúng vậy! Nhưng vợ con tôi đang cần đến cơm áo. Mắc nợ thì phải trả. Vậy xin trả lại các vật trước đây”.

Tỳ-kheo nên nói: “Kẻ tặc ác! Sao người dám khinh thường chúng tôi đến thế? Trước đây bảo là làm phước, bây giờ thì đòi lại”.

Nói thế rồi mà kẻ ấy vẫn cố đòi, Tỳ-kheo trả lại thì không phạm. Nếu trước kia biết họ không thật bố thí mà Tỳ-kheo vẫn nhận, đem hàng qua cửa thuế quan, thì dù trả lại vẫn phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo đi cùng khách buôn, cho đến nói: “Phật không cho mang giúp vật phải đóng thuế, qua cửa thuế quan”. Mà khách buôn nói với Tỳ-kheo: “Tôi không nhờ thầy mang vật này qua cửa khẩu, mà chỉ nhờ thầy giữ giúp cho tôi, tôi muốn gặp người giữ cửa khẩu một tí, giấy lát sẽ trở lại”.

Thế rồi, Tỳ-kheo nhận vật gửi gắm, khách buôn đi qua khỏi cửa khẩu, dừng lại đợi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo chờ lâu, không biết giao vật đó cho ai, bèn mang qua cửa khẩu, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi đường chung với khách buôn... cho đến “Phật không cho mang giúp vật phải đóng thuế qua cửa khẩu”. Rồi khách buôn nói: “Tôi không bảo Tỳ-kheo mang vật này qua cửa khẩu, mà chỉ nhờ giữ giúp cho tôi, tôi đi gặp người giữ cửa khẩu một tí rồi trở lại”. Tỳ-kheo liền giữ giúp, và nói: “Nếu ông không trở lại, tôi sẽ bỏ vật của ông mà đi”. Khách buôn lại suy nghĩ: “Tỳ-kheo tuy nói vậy, nhưng sẽ không bỏ vật của ta mà đi đâu”, liền đi qua khỏi cửa khẩu, dừng lại đợi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo dừng lại lâu mà không thấy y trở lại, bèn bỏ vật tại đó, đi qua cửa khẩu. Khách buôn bèn hỏi Tỳ-kheo: “Hàng hóa của tôi đâu rồi?”.

Tỳ-kheo nổi giận nói: “Người dám đùa cợt với ta sao? Trước đây ta há không bảo: “Nếu trong chốc lát người không trở lại, thì ta bỏ hàng hóa của người mà đi là gì? Hàng hóa của người vẫn còn tại chỗ cũ hãy trở lại mà lấy”. Nếu Tỳ-kheo làm như vậy thì không phạm.

Tỳ-kheo cùng đi chung đường với khách buôn... cho đến “Phật không cho mang giúp hàng hóa phải đóng thuế qua cửa khẩu” rồi khách buôn nói với Tỳ-kheo: “Tôi không bảo Tỳ-kheo mang hàng hóa qua cửa khẩu, mà chỉ nhờ giữ giùm tôi, tôi đến gặp người giữ cửa khẩu một lát rồi trở lại”. Tỳ-kheo bèn giữ giúp, và nói: “Nếu ông không trở lại thì tôi sẽ đem hàng hóa của ông gửi cho người giữ cửa khẩu”. Khách buôn suy nghĩ: “Tỳ-kheo tuy nói vậy, nhưng lẽ nào lại đang tâm đem hàng hóa của ta gửi cho người giữ cửa khẩu?”, bèn đi qua cửa khẩu, dừng lại đợi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo chờ lâu không thấy Y trở lại, bèn đem hàng hóa của Y gửi cho người giữ cửa khẩu, nói: “Có khách buôn diện mạo như thế, tên họ như thế thì ông hãy thu thuế theo hàng hóa và trả hàng lại cho y”...

Rồi Tỳ-kheo đi qua cửa khẩu. Khách buôn hỏi: “Hàng hóa của tôi đâu rồi?”. Tỳ-kheo nổi giận nói: “Người dám đùa cợt với ta sao? Trước đây ta há không bảo, nếu trong chốc lát người không trở lại, thì ta đem hàng hóa của người gửi cho người giữ cửa khẩu là gì? Hàng hóa

của người giữ đây ở chỗ người giữ cửa khẩu, hãy đến đó mà lấy”. Nếu Tỳ-kheo làm như vậy thì không phạm.

Tinh xá của Tỳ-kheo ở gần đại lộ, có một Tỳ-kheo đang đi kinh hành (trong ấy), rồi khách buôn (trông thấy) nói với Tỳ-kheo: “Tôi có món hàng phải đóng thuế, xin Trưởng lão mang vào thành giúp tôi”.

Tỳ-kheo đáp: “Đức Thế Tôn không cho phép ta mang hàng hóa phải đóng thuế qua cửa thuế quan. Nhưng nay ta bày cho người một cách: Người hãy đi bằng qua đường, hoặc đi ngang qua hàng rào, hoặc đi ngang qua cái ngòi, hoặc có thể chất lên xe hàng đã đóng thuế, hoặc có thể gửi vào trong xe hàng của nhà Vua, hoặc gửi vào trong thùng nước của nô tỳ, hoặc giấu dưới lông của con dê mà đi qua”. Nếu chỉ vẽ cho họ như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Từ trong thành chỉ vẽ cho họ ra ngoài thành cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo biết hàng phải đóng thuế mà không biết rằng đem hàng phải đóng thuế qua cửa khẩu sẽ phạm Ba-la-di, thì khi đem hàng ấy qua cửa khẩu, đủ số quy định, sẽ phạm tội Ba-la-di.

Hoặc Tỳ-kheo biết đem hàng phải đóng thuế qua cửa khẩu sẽ phạm Ba-la-di, mà không biết hàng ấy phải đóng thuế, thì khi đem hàng ấy qua khỏi cửa khẩu, đủ số quy định, phạm tội Ba-la-di.

Hoặc Tỳ-kheo biết hàng phải đóng thuế, cũng biết rằng đem hàng phải đóng thuế qua cửa khẩu phạm Ba-la-di, thì khi món hàng ấy qua khỏi cửa khẩu, đủ số quy định, phạm tội Ba-la-di.

Tỳ-kheo không biết hàng phải đóng thuế, cũng không biết đem hàng phải đóng thuế qua cửa khẩu phạm Ba-la-di, thì đem qua không phạm.

- Thế nào là vật không phải đóng thuế?

- Thế nào là vật phải đóng thuế?

Các vật của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni đệ tử của Thế Tôn, và vật của tất cả những người ngoại đạo xuất gia, đó là vật không phải đóng thuế. Nếu mua bán các vật đó thì phải nộp thuế.

Đó gọi là thuế sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp chạm vào các vật phải đóng thuế sai khác này, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu như đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu một Tỳ-kheo có tâm trộm cắp chạm vào thuốc đúng thời, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc hai, hoặc ba cho đến nhiều Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, chạm vào thuốc đúng thời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Cho đến đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo sai một Tỳ-kheo có tâm trộm cắp, chạm vào thuốc đúng thời, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu sai hai người, ba người, cho đến sai nhiều Tỳ-kheo có tâm trộm cắp chạm vào thuốc đúng thời, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo được sai khiến lại sai một Tỳ-kheo khác, hoặc sai hai người, ba người, cho đến nhiều Tỳ-kheo có tâm trộm cắp, chạm vào thuốc đúng thời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả các loại thuốc (thức ăn) dùng ban đêm, dùng bảy ngày, dùng suốt đời, cho đến những vật thanh tịnh và không thanh tịnh cũng như vậy.

Tỳ-kheo có năm pháp đầy đủ, lấy của không cho, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

- Đủ năm yếu tố sau đây, phạm Ba-la-di. Đó là:

1. Đủ số quy định (đủ năm tiền).
2. Có chủ.
3. Biết là có chủ.
4. Sinh tâm trộm cắp.
5. Rời khỏi chỗ cũ.

Lại đủ năm yếu tố lấy của không cho, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Đó là:

1. Biết là vật của người ta không cho.
2. Biết là không phải của mình.
3. Biết là có chủ.
4. Biết là họ không đồng ý.
5. Không nghĩ là mình mượn tạm.

Lại có năm yếu tố đầy đủ không phạm Ba-la-di.

- Đủ năm yếu tố sau đây, không phạm Ba-la-di. Đó là:

1. Tưởng là người ta cho.
2. Tưởng là của mình.
3. Tưởng là vật vô chủ.
4. Tưởng là người chủ đồng ý.
5. Nghĩ là mình mượn tạm.

Đó là năm trường hợp Tỳ-kheo lấy của không cho, không phạm

Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo lấy của không cho, tại phương Đông, Tây, Bắc, Nam, trên hư không, chỗ trú xứ, đều phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo sai đây tớ, hoặc người giúp việc, hoặc người quen biết, hoặc làm thử, hoặc chưa từng làm mà làm, hoặc ngu si, hoặc không biết xấu hổ tưởng là việc tốt, đi lấy của không cho, thì đều phạm tội.

- Trường hợp không phạm: Nếu tâm loạn điên cuồng thì không có tội. Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo lấy của không cho nơi làng xóm, chỗ hoang vắng, tùy theo vật lấy trộm, khiến Vua bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc trục xuất, nói: “Ôi, kẻ nam tử! Người là kẻ trộm sao? Người là kẻ ngu si sao?”.

Nếu Tỳ-kheo là kẻ ăn trộm như thế, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (cùng Tăng chúng).

Khi ấy, Đức Thế Tôn trú tại thành Vương-xá, sau bữa thọ trai, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, bóng xế dài chừng hai người, vào ngày thứ mười giữa tháng thứ hai của mùa đông, sáu năm sau khi thành Phật, vì Trưởng lão Đạt-nị-già con của người thợ gốm nhân liên hệ đến Vua Bình-sa và Tỳ-kheo mặc y phẩn tảo mà chế giới này. Những gì Phật đã chế phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

